

PHẬT THUYẾT TU LẠI KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 329

Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi THÍ Luân

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiễn

Hiệu đính: Thích Nữ Huệ Dung (12-2006)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 329 佛說須賴經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 329 Phật thuyết tu lại Kinh

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF 8) Normalized Version, Release
Date: 2004/10/12

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính
No. 329 [Nos. 310(27), 328]

佛說須賴經

Phật thuyết tu lại Kinh

Phật Nói Kinh Tu Lại

前涼月氏國優婆塞支施崙譯

Tiền lương nguyệt thị quốc Ưu bà tặc chi thí luân dịch
Đời Tiền Lương nước Nguyệt thị Ưu-bà-tặc Chi Thí Luân dịch.

聞如是。一時世尊。遊於舍衛祇樹給孤獨園。

văn như thị. nhất thời Thế tôn. du ư Xá-vệ Kỳ Thọ Cấp cô độc viên.

Nghe như vậy, một thuở nọ đức Thế Tôn du hóa ở thành Xá-vệ trong vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc,

與大比丘眾俱千二百五十人。菩薩五千人。

dữ Đại bi khâu chúng câu thiên nhị bách ngũ thập nhân. Bồ-tát ngũ thiên nhân.
cùng chúng đại Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và Bồ-tát năm ngàn vị đều
cùng hội họp.

爾時世尊。遊近舍衛大城。

nhĩ thời Thế tôn. du cận Xá-vệ Đại thành.

Bấy giờ đức Thế Tôn dạo chơi gần thành lớn Xá-vệ.

為國王大臣梵志長者及諸細民。供養世尊給所當得。

vi Quốc Vương Đại Thần phạm chí Trưởng Giả cập chư tế dân. cung dưỡng Thế tôn
cấp sở đương đắc.

Vì Quốc vương, Đại thần, Phạm chí, Trưởng giả và các người nhỏ cúng dường Thế
Tôn đầy đủ các thứ.

爾時城中有極貧者名曰須賴。

nhĩ thời thành trung hữu cực bần giả danh viết tu lại.

Lúc bấy giờ trong thành có một người rất nghèo tên là Tu Lại,

信佛法眾奉持五戒修行十善。奉行慈心終不起心。於一切眾生。

tín Phật Pháp chúng phụng trì ngũ giới tu hành Thập thiện. phụng hành từ tâm
chung bất khởi tâm. ư nhất thiết chúng sanh.

tin Phật Pháp Tăng, phụng trì năm giới, tu mười điều thiện, thực hành từ tâm
trọn không khởi tâm đối với tất cả chúng sanh.

行於悲心志不疲極。行於喜心常樂正法。

hành ư bi tâm chí bất bì cực. hành ư hi tâm thường lạc chánh Pháp.

Hành tâm từ bi chí không mệt mỏi, hành tâm hoan hỷ thường thích chánh pháp,

行於護心苦樂不動。堅固無上正真道心。

hành ư hộ tâm khổ lạc bất động. kiên cố vô thượng chánh chân Đạo tâm.

tâm thường ủng hộ, khổ vui chẳng động, đạo tâm chơn chánh, kiên cố vô thượng,

以方便善欲度人故。居舍衛城示現極貧。

dĩ phương tiện thiện dục độ nhân cố. cư Xá-vệ thành thị hiện cực bần.

dùng phương tiện khéo muốn độ người vậy, ở thành Xá-vệ thị hiện người rất nghèo.
於是釋提桓因。以天眼淨徹視於人。

ư thị thích đề hoàn nhân. dĩ Thiên nhân tịnh triệt thị ư nhân.
Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhân dùng thiên nhãn tịnh nhìn kỹ mọi người,
見舍衛城中極貧須賴。

kiến Xá-vệ thành trung cực bần tu lại.

thấy Tu Lại rất nghèo ở trong thành Xá-vệ,

執堅固德善行純備心無恚怒。執志堅強無有瑕穢。坐起經行不失威儀。

chấp kiên cố đức thiện hành thuần bị tâm vô khuể nộ. chấp chí kiên cường vô hữu
hà uế. tọa khởi kinh hành bất thất uy nghi.

giữ đức kiên cố khéo hành thành thạo đầy đủ tâm không tức giận, giữ chí mạnh mẽ
không có tỳ vết, đứng ngồi, kinh hành không mất oai nghi,

出入周旋常懷等行。飲食坐臥常懷等心。

xuất nhập châu toàn thường hoài đẳng hành. ẩm thực tọa ngọa thường hoài đẳng tâm
ra vào vòng quanh thường nghỉ bình đẳng ăn uống nằm ngồi thường nhớ giữ tâm,
左右睡寐已皆除盡。少欲知足易充易可。

tả hữu thụỵ mị dĩ giai trừ tận. thiểu dục tri túc dịch sung dịch khả.
ngủ nghỉ mọi thứ đều đã trừ hết, ít muốn biết đủ, dư thiếu không thiết
損於利求利衰毀譽心不傾動。

tôn ư lợi cầu lợi suy hủy dự tâm bất khuynh động.

bớt ở sự cầu lợi, lợi làm giảm khen ngợi lòng không lay động,

至心堅固離於貢高。攝持謙順心靖純淑。

chí tâm kiên cố ly ư cống cao. nhiếp trì khiêm thuận tâm tĩnh thuần thực.

chí tâm kiên cố, xa lìa cống cao, giữ gìn sự khiêm thuận, lòng yên ổn thuần
thực,

質直善說言信不華。奉八關齋知節少食。普城所敬無有厭足。

chất trực thiện thuyết ngôn tín bất hoa. phụng bát Quan trai tri tiết thiểu
thực. phở thành sở kính vô hữu yếm túc.

chất trực, khéo nói lời chân thật, giữ tám điều trai giới, biết tiết độ ăn uống,
khắp thành ai ai cũng cung kính.

諸造見者與之說事莫不歡喜。食節衣儉。

chư tạo kiến giả dĩ chi thuyết sự mạc bất hoan hỷ. thực tiết y thô.

Việc và lời nói không có gì là không hoan hỷ, ăn uống đơn giản, y áo thô sơ.

又致供者讓而不受。樹葉為器茅草為席。

hựu trí cung giả nhượng nhi bất thọ. thụ diệp vi khí mao thảo vi tịch.

Có người đến cúng dường đặt trên tay mà cũng không nhận, lấy cây lá làm dụng cụ,
cỏ tranh làm chiếu,

衣食之餘輒以轉施無所藏積。

y thực chi dư triếp dĩ chuyển thí vô sở tạng tích.

các thứ cơm áo dư thừa liền đem bố thí không cất giữ,

清淨潔白離於求業。於一切生無所志願。常以晝夜各三詣佛。 .

thanh tịnh khiết bạch ly ư cầu nghiệp. ư nhất thiết sanh vô sở chí

nguyện. thường dĩ trú dạ các tam nghệ Phật.

thanh tịnh trong sạch, xa lìa nghiệp tham cầu, không có mong muốn ước nguyện gì
cả mà chỉ trong mỗi ngày đêm thường đến chỗ Phật hầu ba lần.

如來常開閉瑕容其。禮拜供養諮受法言。

Như Lai thường khai bế hà dung kỳ. lễ bái cung dưỡng ti thọ Pháp ngôn.

Như Lai thường khai phát cho những người này để họ được đến cúng dường, lễ bái,
thưa hỏi và lãnh nhận lời pháp.

若其須賴欲詣佛時。若干百人常從與俱。

nhược kỳ tu lại dục nghệ Phật thời. nhược can bách nhân thường tòng dữ câu.
Hoặc khi Tu Lại muốn đến chỗ Phật thì trăm ngàn người cùng theo,

若其須賴所遊居處若行若住若坐若臥。

nhược kỳ tu lại sở du cư xử nhược hành nhược trụ nhược tọa nhược ngọa.
hoặc khi Tu Lại dạo chơi khắp nơi, hoặc đi, hoặc ở, hoặc ngồi, hoặc nằm,
其地界分無有空閑人眾圍繞。

kỳ địa giới phân vô hữu không nhân nhân chúng vây quanh.
đến đâu cũng có mọi người vây quanh không còn chỗ trống.

於是釋提桓因取心念言。如是族姓子。

ư thị thích đề hoàn nhân thù tâm niệm ngôn. như thị tộc tính tử.
Lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân để tâm và nói với con cháu dòng họ rằng,
淨戒淳淑善行威儀。恐子將奪我處。

tịnh giới thuần thực thiện hành uy nghi. khủng tử tương đoạt ngã xứ.
tịnh giới trong sạch khéo thực hành oai nghi của kẻ đáng sợ kia sẽ đoạt mất địa
vị của ta.

當下試知審求何道。於是釋化作數人住須賴前。

đương hạ thí tri thẩm cầu hà đạo. ư thị thích hóa tác số nhân trụ tu lại tiền.
Ngay lúc đó thử biết xem xét kỹ câu đạo gì, liền cho hoá ra số người đứng trước
Tu Lại,

罵詈須賴言不順理。又以瓦石刀杖加害。

mạ li tu lại ngôn bất thuận lý. hựu dĩ ngọa thạch đao trượng gia hại.
mắng nhiếc Tu Lại nói những điều nghịch lý, lại dùng gạch đá dao gậy làm hại.

於是須賴以其忍力專行慈心不瞋不恚。

ư thị tu lại dĩ kỳ nhẫn lực chuyên hành từ tâm bất sân bất khuể.
Do vậy Tu Lại nhờ sức nhẫn nhục ấy chuyên thực hành tâm từ không sân không giận,
於是釋提桓因。復化作人住須賴前。謂須賴言。

ư thị thích đề hoàn nhân. phục hóa tác nhân trụ tu lại tiền. vị tu lại ngôn.
vì thế Thích Đề Hoàn Nhân lại biến hoá thành người thường đứng trước Tu Lại, nói
với Tu Lại rằng:

唯然須賴。如是人等罵詈無限言不順理。

duy nhiên tu lại. như thị nhân đẳng mạ li vô hạn ngôn bất thuận lý.
Này Tu Lại, mặc dầu có những người như thế đem lời mắng nhiếc không cùng nói
không đúng lý,

又以瓦石刀杖加汝。若人見聽為汝殺之。

hựu dĩ ngọa thạch đao trượng gia nhữ. nhược nhân kiến thỉnh vi nhữ sát chi.
lại dùng gạch, ngói, dao, gậy hại ông, nếu người khác thấy nghe nhưng vì ông mà
giết hại họ.

須賴答言。莫說是語。所以者何。

tu lại đáp ngôn. mạc thuyết thị ngữ. sở dĩ giả hà.
Tu lại thưa rằng: Chớ nói lời đó, sở dĩ vì sao?

不善讒人者殺生之報。正使彼等刀割我身破如跋阻樹。

bất thiện sàm nhân giả sát sanh chi báo. chánh sử bị đẳng đao cát cát ngã thân phá
như bạt chử thụ.

Người dèm pha bất thiện bị quả báo sát sanh. Cho dù những kẻ kia lấy dao làm hại
thân ta, tàn phá như kẻ leo trèo những cây cao thấp không đồng đều

尊尚不發惡意加於彼等。所以者何。

tôn thượng bất phát ác ý gia ư bị đẳng. sở dĩ giả hà.

mà ta không những tôn trọng lại còn không sanh ý ác làm hại họ, sở dĩ vì sao?

一切諸法報應有二。種善者生善道。

nhất thiết chư pháp báo ứng hữu nhị. chủng thiện giả sanh thiện đạo.

Tất cả các pháp báo ứng có hai, người trồng nhân thiện sanh về đường thiện, 種惡者墮惡道。以是故我不敢恨彼。況欲斷彼命。

chúng ác giả đọa ác đạo. dĩ thị cố ngã bất cảm hận bi. hưởng dục đoạn bi mạng. người gây nhân ác đọa vào đường ác, vì thế cho nên ta không dám hận họ, hưởng nữa đoạn mất mạng sống của những người kia.

於是須賴。說是偈言。

ư thị tu lại. thuyết thị kệ ngôn.

Như thế Tu Lại nói bài kệ rằng:

其種於苦者

Kỳ chủng ư khổ giả

Người trồng nhân xấu ấy

其有種恬者

Kỳ hữu chủng điềm giả

Người trồng nhân ngọt kia

如此報應者

Như thử báo ứng giả

Người báo ứng như đây

惡者報應苦

Ác giả báo ứng khổ

Người ác báo ứng khổ

是故不當三

Thị cố bất đương tam

Nên không làm ba việc

是故有智者

Thị cố hữu trí giả

vì vậy người có trí

當常行三善

Đương thường hành tam thiện

Nên làm ba việc lành

常以此勸彼

Thường dĩ thử khuyến bi

Thường khuyến người như vậy

於是釋所化人不能動須賴。於是捨去。

Ư thị thích sở hóa nhân bất năng động Tu lại. ư thị xả khứ.

Lúc ấy những kẻ hoá nhân ấy không động dậy gì Tu lại cả mà tự bỏ đi.

於是釋提桓因。

ư thị thích đề hoàn nhân.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhân

於須賴前化作七寶金寶現須賴前。復化作眾人。住須賴前謂須賴言。

ư tu lại tiền hóa tác thất bảo kim bảo hiện tu lại tiền. phục hóa tác chúng

nhân. trụ tu lại tiền vị tu lại ngôn.

lại đến trước Tu Lại, hoá làm bảy thứ vàng quý hiện trước Tu Lại. Lại hoá thêm

người đứng trước Tu Lại nói với Tu Lại rằng:

取是金寶可用布施亦可作福。可以作服飾臥具。

thủ thị kim bảo khả dụng bố thí diệc khả tác phúc. khả dĩ tác phục sức ngoạ cụ.

Lấy vàng báu đó có thể dùng bố thí cũng có thể làm phước, cũng có thể dùng làm

trang sức như y áo ngoạ cụ,

亦可好衣亦可美食。云何守是貧行。

diệc khả hảo y diệc khả mỹ thực. vân hà thủ thị bần hành.

cũng có thể may áo đẹp cũng có thể làm thức ăn ngon, làm sao gọi là khổ hạnh ư?

須賴報言。前之惡行。諸仁者。

Tu lại báo ngôn. tiền chi ác hành. chư nhân giả.

必生獲苦果

Tất sanh hoạch khổ quả

Ắt hẳn nhận quả khổ.

必生得恬果

Tất sanh đắc điềm quả

Ắt nhận được quả ngon.

是知為現事

Thị tri vi hiện sự

Là biết việc hiện tại.

善者報應樂

Thiện giả báo ứng lạc

Người thiện phước báo vui.

為惡身口心

Vì ác thân khẩu tâm

Là thân, miệng, ý ác.

不當以勸人

Bất đương dĩ khuyến nhân

Chẳng nên dùng khuyến người.

於是身心口

Ư thị thân tâm khẩu

Đối với thân khẩu ý.

若人樂善者

Nhược nhân lạc thiện giả

Đó là người vui thiện.

Tu Lại nói rằng: Thua nhân giả, việc ác trước kia

我之此報令我如今貧鄙。然不能守是貧。當犯不與取也。惟須賴。

ngã chi thù báo linh ngã như kim bản bỉ. nhiên bất năng thủ thị bản. đương phạm bất dữ thù dã. duy tu lại.

nay là quả báo của tôi khiến tôi như nay nghèo khổ, nhưng không thể giữ cái nghèo, ngay khi phạm không cho nhận lấy vậy. Chỉ riêng Tu lại

宜可樂活盡壽。

nghi khả lạc hoạt tận thọ.

mới có thể vui sống lâu dài.

何為乃遠慮後世之報以為言說。須賴報言。諸仁者。是為愚法。

hà vi nãi viễn lự hậu thế chi báo dĩ vi ngôn thuyết. tu lại báo ngôn. chư nhân giả. thị vi ngu Pháp.

Sao lại đem những lo lắng xa xôi về quả báo của đời sau mà nói. Tu lại thua rằng: Chư nhân giả, đó chính là ngu pháp.

夫見法者慮是重報。能慮重報者。是則為明達。

phu kiến Pháp giả lự thị trọng báo. năng lự trọng báo giả. thị tắc vi minh đạt. Hễ thấy pháp ấy mà lo lắng là trọng báo. Người có thể suy nghĩ trọng báo chính là bậc sáng suốt.

不明之士。慳貪他有犯不與取。能離慳貪則為明智。

bất minh chi sĩ. khan tham tha hữu phạm bất dữ thủ. năng ly khan tham tắc vi minh trí.

Kẻ sĩ không sáng nhưng tham lam vật người khác tuy có phạm nhưng không chấp thủ, có thể xa lìa tham lam tức thì thành bậc trí.

夫不智者貪得多積以護身命。

phu bất trí giả tham đắc đa tích dĩ hộ thân mạng.

Rằng người không trí tham muốn được nhiều tích chứa để hộ thân mạng

無所護慮則為明達。於無常有常想。於苦有樂想。

vô sở hộ lự tắc vi minh đạt. u vô thường hữu thường tưởng. u khổ hữu lạc tưởng. mà không ý nghĩ để bảo hộ thời là bậc sáng suốt mà thường suy tưởng về vô thường, vui với khổ đau

無我有我想。不淨有淨想。如是者犯不與取。

vô ngã hữu ngã tưởng. bất tịnh hữu tịnh tưởng. như thị giả phạm bất dữ thủ.

trong vô ngã có ngã tưởng, trong bất tịnh có tịnh tưởng thì những người như vậy dù có phạm nhưng không chấp thủ.

觀無常計苦計空計不淨者。是則為明智。

quán vô thường kế khổ kế không kế bất tịnh giả. thị tắc vi minh trí.

Người quán xét vô thường, khổ, không, bất tịnh thì gọi là bậc minh trí.

計吾我猗居家。是者犯不與取。不計我不犯他。

kế ngô ngã y cư gia. thị giả phạm bất dữ thủ. bất kế ngã bất phạm tha.

Chính ta ở trong nhà của ta là người phạm mà không mắc lỗi thì không bảo rằng ta không phạm đến kẻ khác.

如是輩則明智。無先飽不知足。

như thị bối tắc minh trí. vô tiên bão bất tri túc.

Như thế chúng ta là bậc sáng suốt, không như kẻ ăn trước no nê mà không biết đủ.

如是輩犯不與取。先飽知足是則明智。

như thị bối phạm bất dữ thủ. tiên bão tri túc thị tắc minh trí.

Vậy thì chúng ta phạm không mà không mắc lỗi như người được ăn trước mà biết đủ là bậc minh trí.

不淨戒者犯不與取。其淨戒者是則明智。

bất tịnh giới giả phạm bất dữ thủ. kỳ tịnh giới giả thị tắc minh trí.

Người không giữ tịnh giới tuy phạm nhưng không chấp thủ, người tịnh giới ấy chính là minh trí.

不見報應愚癡之士犯不與取。見報應者是則明智。

bất kiến báo ứng ngu si chi sĩ phạm bất dữ thủ. kiến báo ứng giả thị tắc minh trí.

Không thấy báo ứng ngu si của kẻ sĩ tức là phạm không chấp thủ. Người thấy báo ứng chính là minh trí.

夫饕餮者犯不與取。不饕餮者則為明智。

phu thao thiết giả phạm bất dữ thủ. bất thao thiết giả tắc vi minh trí.

Người ăn uống hung bạo tuy phạm nhưng không chấp phạm, người không hung dữ tham ăn thời là bậc minh trí.

圖他所有貢高躁擾犯不與取。讓一切有則為明智。

đồ tha sở hữu cống cao táo nhiễu phạm bất dữ thủ. nhượng nhất thiết hữu tắc vi minh trí.

Toan tính sở hữu của người cống cao quấy rối phạm mà không chấp thủ, nhường nhịn tất cả thời là bậc trí.

當於是時則說偈言。

當於此時則說偈言。

Ngay lúc đó liền nói bài kệ:

伏藏至千億

Phục tạng chí thiên úc

Ẩn núp đến ngàn úc

如是世之貧

Như thị thế chi bần

Như thế nghèo của đời

家無一食儲

Gia vô nhất thực trừ

Nhà không một bữa ăn

如是為大富

Như thị vi Đại phú

Như thế là giàu lớn

聖賢善顯現

Thánh hiền thiện hiển hiện

Thánh hiền khéo hiển hiện

愚歎加嚴飾

Ngu thán gia nghiêm sức

Ngu than thêm nghiêm sức

願為智所罵

Nguyện vi trí sở mạ

Nguyện vì người trí mắng

愚者歎於惡

Ngu giả thán ư ác

Người ngu khen ở ác

天所化諸士。不能令須賴犯不與取。

Thiên sở hóa chư sĩ. bất năng linh tu lại phạm bất dữ thủ.

Những hoá nhân của Phạm Thiên cũng không thể khiến Tu Lại phạm và không chấp thủ.

於是釋化已為長者形。持名上寶價直百千。

ư thị thích hóa dĩ vi Trưởng Giả hình. trì danh thượng bảo giá trực bách thiên.

Lúc ấy Đế Thích lại hoá ra hình các bậc trưởng giả, đem các bảo vật giá trị trăm ngàn

住須賴前。謂須賴言。

彼不聞捨心

Bỉ bất văn xả tâm

Kia chẳng nghe tâm xả.

是則非明智

Thị tắc phi minh trí

Thế thời chẳng sáng suốt.

而有捨施心

Nhi hữu xả thí tâm

Mà có tâm bố thí.

明智者所歎

Minh trí giả sở thán

Người trí đều khen ngợi.

而能不為惡

Nhi năng bất vi ác

Mà không thể làm ác.

為惡則不顯

Vi ác tắc bất hiển

Làm ác thời không hiện.

不為愚所歎

Bất vi ngu sở thán

Chẳng vì người ngu khen.

明者歎於善

Minh giả thán ư thiện

Người sáng chê ở thiện.

trụ tu lại tiên, vị tu lại ngôn.

đứng trước Tu Lại nói với Tu Lại rằng:

我於王波斯匿前有所諍訟引仁為一證。以實相與。願仁為我證。須賴謂言。

ngã ư Vương Ba-tu-nặc tiền hữu sở tránh tụng dẫn nhân vi nhất chứng. dĩ ào Tướng
dũ. nguyện nhân vi ngã chứng. tu lại vị ngôn.

Ta ở trước vua Ba-tu-nặc có chỗ tranh tụng nhờ người đến làm chứng, đem theo vật
báu, nguyện người vì ta làm chứng, Tu Lại nói rằng:

仁者莫作是說。我不能以不知故而作妄言。

nhân giả mạc tác thị thuyết. ngã bất năng dĩ bất tri cố nhi tác vọng ngôn.

Người ấy tuyệt chẳng nói vậy, ta không thể đem điều không biết mà nói lời dối
trá.

何以故。妄言人者。為自欺身亦欺他人。

hà dĩ cố. vọng ngôn nhân giả. vi tự khi thân diệc khi tha nhân.

Vì sao vậy? Người nói lời hư dối là tự lừa dối mình cũng lừa dối người khác vậy,
欺諸聖賢。妄言人者。

khi chư Thánh hiền. vọng ngôn nhân giả.

khi dối các bậc thánh hiền, người nói lời hư dối ấy

令人身臭心口無信令其心惱。夫妄言人者。

linh nhân thân xú tâm khẩu vô tín linh kỳ tâm não. phu vọng ngôn nhân giả.

thì thân người hôi hám, miệng nói lời gì không ai tin, khiến tâm ấy phiền não.

Những kẻ nói dối ấy

令其口臭令身失色天神所棄。夫妄言人者。亡失一切諸善本。

linh kỳ khẩu xú linh thân thất sắc Thiên Thần sở khí. phu vọng ngôn nhân

giả. vong thất nhất thiết chư thiện bản.

khiến miệng họ hôi hám, khiến thân mất sắc tướng, Thiên thần tránh đi, người nói
dối ấy mất hết tất cả các thiện căn.

於己愚冥迷失善路。夫妄言人者一切惡本。

ư kỷ ngu minh mê thất thiện lộ. phu vọng ngôn nhân giả nhất thiết ác bản.

Đối với mình ngu dốt tối tăm lạc mất đường thiện, người nói lời hư dối tạo ra
tất cả điều ác

斷絕善行閑居之本。於是時說此偈言。

đoạn tuyệt thiện hành nhàn cư chi bản. ư thị thời thuyết thử kệ ngôn.

đoạn mất gốc rễ của thiện hạnh nhàn cư. Lúc bấy giờ ngài nói kệ rằng:

夫口臭穢者

Phu khẩu xú uế giả

Người miệng hôi dơ ấy

忘失清白法

Vong thất thanh bạch

Làm mất pháp thanh bạch.

為護己諸神

Vi hộ kỷ chư Thần

Vì hộ mình các thần

彼士常羸疲

Bỉ sĩ thường luy bì

Kẻ sĩ kia thường mệt mỏi

諸惡之根本

Chư ác chi căn bản

Căn bản của các ác

必當趣惡道

Tất đương thú ác đạo

Đi thẳng đến đường ác

妄言者語時

Vọng ngôn giả ngữ thời

Khi nói lời hư dối.

意志多妄誤

Pháp ý chí đa vọng ngộ

Ý chí nhiều sai lầm.

聖賢所欺誤

Thánh hiền sở khi ngộ

Thánh hiền đều chê trách.

夫喜妄言者

Phu hi vọng ngôn giả

Người vui nói lời dối.

斷善本於彼

Đoạn thiện bản ư bỉ

Chặt gốc thiện ở kia.

夫妄言人者

Phu vọng ngôn nhân giả

Kia người nói dối ấy.

若以滿天下
Nhuộc dĩ mãn Thiên hạ
Hoặc đầy khắp thiên hạ

夫守持法者
Phu thủ Trì Pháp giả
Người giữ gìn chánh pháp

釋提桓因。不能使須賴妄言便捨去。

Thích đề hoàn nhân. bắt năng sử tu lại vọng ngôn tiện xả khứ.
Thích-đề-hoàn-nhân không thể khiến Tu Lại nói lời hư dối liền bỏ đi.

於是釋提桓因。謂阿須倫女首耶日行王女。

ư thị thích đề hoàn nhân. vị a tu luân nữ thủ da nhật hành Vương nữ.
Nhu thể Thích-đề-hoàn-nhân nói với A-tu-luân-nữ, Thủ-da-nhật-hành-vương-nữ,
識乾執樂第一夫人法。

thức kiên chấp lạc đệ nhất phu nhân Pháp.
Thức-kiên chấp là pháp Đệ nhất phu nhân rằng:

汝等詣國貧須賴動其閑居。試知為審離欲為故服欲不耶。

nhữ đẳng nghê quốc bần tu lại động kỳ nhàn cư. thí tri vi thẩm ly dục vi cố phục
dục bất da.

Các người đến nước nghèo của Tu Lại làm động bậc nhàn cư kia, thử biết vì xét rõ
xa lìa ham muốn vì nguyên nhân thích ứng ham muốn chăng?

於是首耶阿須倫女日行王女。識乾執樂第一夫人。

ư thị thủ da a tu luân nữ nhật hành Vương nữ. thức kiên chấp lạc đệ nhất phu
nhân.

Nhu thể Thủ-da A-tu-luân-nữ, Nhật-hành-vương-nữ, Thức kiên chấp đệ nhất phu
nhân.

於冥夜靜時。於須賴所止地之分界。

ư minh dạ tĩnh thời. ư tu lại sở chỉ địa chỉ phần giới.

Khi đêm khuya yên tĩnh, ở chỗ Tu Lại dừng lại ranh giới chỗ tạm ngừng.

行詣於彼說溫暖甜辭。與須賴言。起仁者。

hành nghê ư bỉ thuyết ôn noãn điềm từ. dữ tu lại ngôn. khởi nhân giả.

Đi đến chỗ kia nói lời ôn hoà từ tốn với Tu Lại rằng: Nhân giả đứng dậy

我等故來相事且觀。須賴。我等形容之嚴好。

ngã đẳng cố lai tương sự thả quán. tu lại. ngã đẳng hình dung chi nghiêm hảo.
chúng con xưa nay sự việc quan sát lẫn nhau, Tu Lại chúng ta hình dáng nghiêm
đẹp,

塗梅檀香瓔珞被服。鮮明適在盛時視此。須賴。

đồ chiêm đàn hương anh lạc bị phục. tiên minh thích tại thịnh thời thị thử. tu
lại.

bôi hương chiêm đàn mang chuỗi anh lạc, tươi sáng dễ chịu là lúc đang thịnh,
đáng nhìn. Tu lại,

以汝之福故得我等執事。須賴視已便作是說。

dĩ nhữ chi phúc cố đắc ngã đẳng chấp sự. tu lại thị dĩ tiện tác thị thuyết.

do phước của ông cho nên được chúng tôi chấp nhận sự việc này. Tu lại nhìn rồi
liền nói lời rằng:

汝等盡是地獄餓鬼畜生行事。

nhữ đẳng tận thị Địa ngục nạ quỷ súc sanh hành sự.

Hành động của các người đều là địa ngục, nạ quỷ, súc sanh.

非天人之執事。又觀汝等身如幻化之自然。

phi Thiên Nhơn chi chấp sự. hựu quán nhữ đẳng thân như huyễn hóa chi tự nhiên.

金真珠相與
Kim chân châu tương dữ
Vàng châu ngọc các thứ.

不為之發言
Bất vi chi phát ngôn
Không vì thế nói ra.

Chẳng phải hành động của trời, người. Lại quán sát thân thể của các người như tự nhiên của huyễn mộng.

觀汝等之形聚沫泡之相。梅檀香之塗我觀其如是。

quán nhữ đặng chi hình tụ mật phao chi tướng。chiên đàn hương chi đồ ngã quán kỳ như thị。

Xem xét hình dáng của các người nhóm lại như tướng của bong bóng nước, xoa hương chiên đàn thì ta xem những việc đó,

審諦法聚會不淨向所嬈服嚴淨。

thẩm đế Pháp tụ hội bất tịnh hướng sở nhiêu phục nghiêm tịnh。

xét rõ và quán thì nó nhóm họp chẳng sạch, chẳng xinh đẹp thích ứng, không nghiêm tịnh。

見如是幻化所作。心之躁疾合會愚。所觀無常散滅法。

kiến như thị huyễn hóa sở tác。tâm chi táo tật hợp hội ngu。sở quán vô thường tán diệt Pháp。

Thấy huyễn hoá đã làm như thế, sự nóng nảy mạnh mẽ của tâm hội lại thành ngu, quán xét pháp tan diệt vô thường。

以己福觀汝等行趣地獄類。

dĩ kỳ phúc quán nhữ đặng hành thú Địa ngục loại。

Ta quán phước của các người thì biết các người đi thẳng đến địa ngục。

所以失志六不護己志欲何不明不淨者。是則貪於欲。

sở dĩ thất chí lục bất hộ kỷ chí dục hà bất minh bất tịnh giả。thị tắc tham ư dục

Sở dĩ do các người mất chí, không hộ sáu căn, chí của các người là tham dục, không sáng, không trong sạch, đó chính là tham đắm ở dục lạc。

附臭處者。是則貪於欲。附穢惡者是則依於欲。

phụ xú xử giả。thị tắc tham ư dục。phụ uế ác giả thị tắc y ư dục。

Thêm chỗ hôi hám ấy thời tham dục lạc, bám vào chỗ xấu uế thời nương vào dục。

純荷諸苦者是則貪於欲。

thuần hà chư khổ giả thị tắc tham ư dục。

Thuần chịu các khổ ấy thời là tham dục。

謂貪欲樂者是則附於欲欲。入地獄者是則附於欲欲。

vị tham dục lạc giả thị tắc phụ ư dục dục。nhập Địa ngục giả thị tắc phụ ư dục dục。

Nói tham dục lạc ấy chính là thêm nhiều các dục。Rơi vào địa ngục ấy thời là do nhiều tham dục;

入畜生者。彼則附於欲欲。入餓鬼者。是則附於欲欲。

nhập súc sanh giả。bị tắc phụ ư dục dục。nhập ngạ quỷ giả。thị tắc phụ ư dục dục。vào súc sanh ấy thời do nhiều tham dục; vào ngạ quỷ ấy chính là do tham dục;

親惡人者。是則附於欲。不成就貪者。

thân ác nhân giả。thị tắc phụ ư dục。bất thành tựu tham giả。

gần gũi người xấu chính là do dục; không thành tựu tham ấy

是則附於欲。鬪諍怨訟會者。是則附於欲欲。

thị tắc phụ ư dục。đấu tránh oán tụng hội giả。thị tắc phụ ư dục dục。

thời là thêm dục。Người đấu tranh oán giận kiện tụng hội họp thời thêm tham dục。

被繫閉者。是則附於欲。顛倒之所生增益愛結者。

bị hệ bế giả。thị tắc phụ ư dục。điên đảo chi sở sanh tăng ích ái kết giả。

Người bị trói buộc ấy thời là hỗ trợ cho tham dục và chỗ sinh ra điên đảo là tăng thêm sự ràng buộc ái trược。

是則附於欲。狂悖迷惑者是則附於欲。

thị tắc phụ ư dục。cuồng bội mê hoặc giả thị tắc phụ ư dục。

thế thời thêm dục, cuồng loạn sai trái mê hoặc ấy thời thêm sự ham muốn.

醉亂闇冥者是則附於欲。

túy loạn ám minh giả thị tắc phụ ư dục。

Người say sưa mờ tối chính là thêm sự tham dục.

不善之所近善之所捨離。一切諸不善之所纏縛者。是則附於欲。

bất thiện chi sở cận thiện chi sở xả ly. nhất thiết chu bất thiện chi sở triền phược giả. thị tắc phụ ư dục。

Chỗ của bất thiện, chỗ của gần thiện mà xa lìa, tất cả các chỗ trói buộc của bất thiện ấy, thời là thêm sự ham muốn.

迷失徑路者是則附於欲。

mê thất kính lộ giả thị tắc phụ ư dục。

Người lạc mất đường lối chính là thêm sự ham muốn.

修行不善者是則附於欲。羸劣奪人力者是則附於欲。

tu hành bất thiện giả thị tắc phụ ư dục. luy liệt đoạt nhân lực giả thị tắc phụ ư dục。

Người tu hành chẳng thiện thời là thêm ham muốn. Cướp lấy sức người yếu đuối chính là thêm sự ham muốn.

雲之所覆者是則附於欲。近鬼魅者是則附於欲。

vân chi sở phược giả thị tắc phụ ư dục. cận quỷ mị giả thị tắc phụ ư dục.

Chỗ che trùm của mây chính là thêm sự ham muốn, gần gũi quỷ mị chính là thêm các dục.

近返足鬼者。是則附於欲。

cận phản túc quỷ giả. thị tắc phụ ư dục.

Gần gũi quỷ phản túc chính là do nhiều dục.

近牛驢狗猪駝象殺羊豺者。是則附於欲。

cận ngưu lư cầu tru đà tượng hổ dương sài giả. thị tắc phụ ư dục.

Gần trâu, lừa, chó, heo, lạc đà, voi, dê đen, chó sói ấy thời là thêm dục dục.

近非人者是則附於欲。離戒聞施者是則附於欲。

cận phi nhân giả thị tắc phụ ư dục. ly giới văn thí giả thị tắc phụ ư dục.

Gần phi nhân ấy chính là ham ở dục dục, xa lìa giới nghe bố thí ấy thời thêm ham muốn.

放捨閑居者是則附於欲。專惑專冥專益勞塵。

phóng xả nhàn cư giả thị tắc phụ ư dục. chuyên hoặc chuyên minh chuyên ích lao trần。

Xả chỗ an nhàn ấy thời thêm sự ham muốn, hay ngờ vực chuyên tối tăm hay lợi ích ở trần lao.

專損減於無上道者。是則附於欲。

chuyên tổn giảm ư vô thượng đạo giả. thị tắc phụ ư dục。

Hay giảm bớt ở đạo vô thượng ấy chính là thêm sự ham muốn.

當於是時便說偈言。

đương ư thị thời tiện thuyết kệ ngôn。

Ngay khi lúc ấy liền nói kệ rằng:

臭穢不淨者

Xú uế bất tịnh giả

Người hôi nhơ chẳng tịnh,

專苦不附樂

Chuyên khổ bất phụ lạc

Hay khổ chẳng thêm vui

與不消者會

Dữ bất tiêu giả hội

欲腐亦如是

Dục hủ diệc như thị

Ưa thối nát cũng thế.

獄鬼畜生處

Ngục quỷ súc sanh xứ

Chỗ ngục quỷ súc sanh.

欲醜亦如是

Dục xú diệc như thị

Cùng chẳng tiêu tụ hội
處非法之處
Xử phi Pháp chi xử
Nơi chỗ của phi pháp
繫縛之縛者
Hệ phọc chi phọc giả
Người ràng buộc trói buộc,
愛欲所增益
Ái dục sở tăng ích
Ái dục thêm lợi ích,
是則附於欲
Thị tắc phụ ư dục
Chính thời thêm ham muốn,
和協與同塵
Hòa hiệp dữ đồng trần
Hoà hợp với bụi trần,
燒然之景熱
Thiêu nhiên chi cảnh nhiệt
Cảnh nóng của thiêu đốt
毀滅於眾善
Hủy diệt ư chúng thiện
Làm mất các điều thiện
如雲之所蓋
Như vân chi sở cái
Chỗ che của đám mây
鬼魅之同處
Quỷ mị chi đồng xử
Cùng chỗ của quỷ mị,
形色之所惑
Hình sắc chi sở hoặc
Chỗ sai của hình sắc
牛羊狗犬猪
Ngu dương cầu khuyến tru
Trâu, dê, chó sói, heo,
附欲之所親
Phụ dục chi sở thân
Nơi gần thêm ham muốn
或聞施鬪靖
Hoặc văn thí đấu tĩnh
Đấu tranh hoặc bình yên
專惑增勞塵
Chuyên hoặc tăng lao trần
Mê hoặc thêm bụi trần,
是則附於欲
Thị tắc phụ ư dục
Chính thời thêm ham muốn,
如汝滿天下
Như nữ mãn Thiên hạ
Như ông khắp thiên hạ,
不能污吾意
Bất năng ô ngô ý
Không thể dơ ý ta
首耶阿須倫女日行王女。識乾之夫人。

Muốn khinh cũng như thế.
諍訟與怨惡
Tránh tụng dữ oán ác
Tranh tụng cùng oán giận.
顛倒之所生
Điên đảo chi sở sanh
Nơi sinh của điên đảo.
從是所生者
Tòng thị sở sanh giả
Theo chỗ sở sanh ấy.
迷惑之所惑
Mê hoặc chi sở hoặc
Chỗ lầm của mê hoặc.
是則附於欲
Thị tắc phụ ư dục
Ấy thời thêm ham muốn.
合會成眾惡
Hợp hội thành chúng ác
Nhóm lại thành các ác.
諸惡之根元
Chư ác chi căn nguyên
Nguồn gốc của các ác.
附欲亦如是
Phụ dục diệc như thị
Ham muốn cũng như vậy.
反足亦如是
Phản túc diệc như thị
Trái đủ cũng như thế.
視欲亦如是
Thị dục diệc như thị
Nhìn muốn cũng như thế.
駝象殺羊豺
Đà tượng cổ dương sài
Lạc đà, voi, dê, báo,
離於一切法
Ly ư nhất thiết Pháp
Xa lìa tất cả pháp.
零落附於欲
Linh lạc phụ ư dục
Rơi rụng sự ham muốn,
損減無上道
Tồn giảm vô thượng đạo
Giảm mất đạo vô thượng.
欲脫者離色
Dục thoát giả ly sắc
Người muốn xa lìa sắc.
妙容勝汝等
Diệu dung thắng nữ đẳng
Tốt đẹp hơn các người.
諸功德備悉
Chư công đức bị tất
Các công đức đầy đủ.

Thủ da a tu luân nữ nhật hành Vương nữ, thúc kiên chi phu nhân.
Thủ-da-a-tu-luân-nữ, Nhật hành vương nữ và Phu nhân Thúc kiên
不能動須賴皆捨而去。詣釋提桓因。

bất năng động tu lại giai xả nhi khứ. nghệ thích đề hoàn nhân.
cũng không thể lay động Tu Lại liền bỏ mà đi đến Thích đề hoàn nhân
詣彼已勿疑也。天帝彼已見諦無復女色。彼已離於欲。

nghệ bi dĩ vật nghi dã. Thiên đế bi dĩ kiên đề vô phục nữ sắc. bi dĩ ly u dục.
đến kia rồi chớ nghi vậy. Thiên đế kia đã nhìn kỹ không còn nữ sắc, người ấy đã
xa lìa sự ham muốn.

普於世無著。於是釋提桓因。

phổ ư thế Vô trước. ư thị thích đề hoàn nhân.

Khấp ở đời không đắm trước, như thế Thích Đề Hoàn Nhân

益增驚恐衣毛為豎。無疑也族姓子。必從於我生。

ích tăng kinh khủng y mao vi thọ. vô nghi dã tộc tính tử. tất tông ư ngã sanh.
tăng thêm sợ hãi lông áo dựng đứng, chẳng nghi cũng là con cháu họ hàng, quyết
từ nơi ta sinh ra.

於是釋提桓因。自往詣須賴。已住須賴前。

ư thị thích đề hoàn nhân. tự vãng nghệ tu lại. dĩ trụ tu lại tiền.

Như thế Thích Đề Hoàn Nhân tự đi đến chỗ Tu Lại, khi đã đứng trước Tu Lại rồi
叉手說偈言。

xoa thủ thuyết kệ ngôn.

xoa tay nói kệ rằng:

發何願仁者

Phát hà nguyện nhân giả

Nhân giả phát nguyện gì

閑居清白戒

Nhàn cư thanh bạch giới

Thanh thân giới trong sạch

於是須賴。說偈答言。

Ư thị tu lại. thuyết kệ đáp ngôn.

Như thế Tu Lại nói kệ đáp rằng:

日月釋梵帝

Nhật nguyệt thích phạm đế

Nhật, Nguyệt, Thích, Phạm đế

此皆無常存

Thủ giai vô thường tồn

Đây đều còn vô thường

云何明智者

Vân hà minh trí giả

Bạc minh trí thế sao

所可無生長

Sở khả vô sanh trường

Đã không có sanh trường

亦無有憎愛

Diệc vô hữu tăng ái

Thì cũng không ghét yêu

願普安一切

Nguyện phổ an nhất thiết

Nguyện khắp yên tất cả

於是釋提桓因。即歡喜踊躍。善心生焉。

ư thị thích đề hoàn nhân. tức hoan hi dũng dục. thiện tâm sanh yên.

Lúc ấy Thích Đề Hoàn Nhân liền vui mừng hớn hở thiện tâm sanh khởi,

汝行如是法

Nhữ hành như thị Pháp

Mà hành pháp như thế?

日月釋梵帝

Nhật nguyệt thích phạm đế

Nhật, Nguyệt, Thích, Phạm Thiên.

三界之上業

Tam giới chi thượng nghiệp

Nghiệp lớn của ba cõi.

如幻之示現

Như huyền chi thị hiện

Thị hiện của giả dối.

當著三界耶

Đương trước tam giới da

Sẽ đắm ba cõi ư?

亦無老病死

Diệc vô lão bệnh tử

Cũng không già bệnh chết.

所處平如秤

Sở xử bình như xứng

Chỗ ngang bằng như cân.

成佛覺未覺

Thành Phật giác vị giác

Thành Phật và chưa thành.

勸仁普慈心。如是之言說。善哉當成就。

khuyến nhân phổ từ tâm. như thị chi ngôn thuyết. Thiện tai đương thành tựu.
khuyến phát sinh lòng nhân từ rộng khắp. Thốt lên lời như vậy, khéo thay sẽ thành tựu!

如是無上願。速降伏眾魔。雨於甘露法。

như thị vô thượng nguyện. tốc hàng phục chúng ma. vũ ư cam lộ Pháp.
Nguyện vô thượng như thế, nhanh hàng phục chúng ma, mưa xuống pháp cam lồ.

為行眾生故。必成世普愍於是國貧須賴。

vì hạnh chúng sanh cố. tất thành thế phổ mẫn ư thị quốc bần tu lại.
Vì hạnh nguyện cứu độ chúng sanh tất được lòng từ mẫn rộng khắp đối với Tu Lại nghèo này.

彼於異時。行於舍衛大城之中。便於城中。

bỉ ư dị thời. hành ư Xá-vệ Đại thành chi trung. tiện ư thành trung.
Vào dịp khác Tu Lại đi vào trong thành lớn của nước Xá-vệ. Lúc đang vào trong thành

得先時人瑞應天金之珠價直普世寶。於是國貧須賴。

đắc tiên thời nhân thụ ứng Thiên kim chi châu giá trực phổ thế bảo. ư thị quốc bần tu lại.

may mắn thuận lợi được người thời trước ứng với hạt kim châu của trời trị giá khắp thế gian. Tu Lại nghèo của nước đó

提持珠已便舉聲。令於舍衛諸仁者。

đề trì châu dĩ tiện cử thanh. linh ư Xá-vệ chư nhân giả.
cầm nắm hạt châu rồi cất tiếng bảo các nhân giả trong thành Xá-vệ rằng
於是城若有極貧者。

ư thị thành nhược hữu cực bần giả.
ở trong thành này nếu có người rất nghèo

當以是直普世之寶而惠與之。彼時有舊長者居家貧者皆走馳詣。

đương dĩ thị trực phổ thế chi bảo nhi huệ dĩ chi. bỉ thời hữu cựu Trưởng Giả cư gia bần giả giai tẩu trì nghệ.
sẽ đem ngay vật báu khắp cả đời mà thương xót ban cho họ. Lúc ấy có gia đình một trưởng giả già rất nghèo, cả nhà đều hối hả chạy đến bảo rằng
我等極貧以寶見惠。又復餘人數百之眾。

ngã đẳng cực bần dĩ bảo kiến huệ. hựu phục dư nhân số bách chi chúng.
"chúng tôi rất nghèo", xin đem vật báu ban cho. Lại nhóm người khác, khoảng vài trăm người

亦從乞寶我等極貧。須賴答。汝等不貧。所以者何。

diệc tòng khát bảo ngã đẳng cực bần. tu lại đáp. nhữ đẳng bất bần. sở dĩ giả hà.
cũng theo xin vật báu, bảo "chúng tôi rất nghèo". Tu Lại trả lời: Các ông chớ tham, sở dĩ vì sao?

於足舍衛大城之中有一極貧者。

ư túc Xá-vệ Đại thành chi trung hữu nhất cực bần giả.
Ở trong thành lớn của nước Xá-vệ, có một người rất nghèo,

當以是金珠寶而惠與之。諸人答言。於是城中有誰極貧。

đương dĩ thị kim châu bảo nhi huệ dĩ chi. chư nhân đáp ngôn. ư thị thành trung hữu thụ cực bần.
nên đem vàng bạc châu báu mà đem cho họ. Mọi người hỏi lại: Vậy trong thành này có ai rất nghèo?

答言。王波斯匿是極貧者。

đáp ngôn. Vương Ba-tu-nặc thị cực bần giả.
Đáp rằng: Vua Ba-tu-nặc kia là người rất nghèo

當以是寶而惠與之。諸人答言。止止須賴莫說是語。所以者何。

đương dĩ thị bảo nhi huệ dĩ dĩ chi. chư nhân đáp ngôn. chỉ chỉ tu lại mạc thuyết thị ngữ. sở dĩ giả hà.

nên đem vật báu mà ban cho ông ta. Mọi người đáp rằng: Đừng, đừng Tu Lại, chớ nói lời ấy, sở dĩ vì sao?

王波斯匿者。豐富大財其業周普倉藏盈積。

Vương Ba-tu-nặc giả. phong phú Đại tài kỳ nghiệp châu phổ thương tạng doanh tích Vua Ba-tu-nặc ấy giàu có, của cải rất nhiều tích chứa nhiều kho cùng khắp cả nước.

於是國貧須賴。於大眾前。便說偈言。

ư thị quốc bần tu lại. ư Đại chúng tiền. tiện thuyết kệ ngôn.

Như thế Tu Lại nghèo ở nước đó đối trước mọi người liền nói kệ rằng:

財業雖豐廣

Tài nghiệp tuy phong quang

Tài nghiệp tuy rất nhiều

大海尚可滿

Đại hải thượng khả mãn

Biển lớn còn không đầy

若增益貪求

Nhược tăng ích tham cầu

Nếu thêm sự mong cầu

現世及後世

Hiện thế cập hậu thế

Đời nay và đời sau

而不知充飽

Nhi bất tri sung bão

Mà không biết vừa đủ.

是貧終不足

Thị bần chung bất túc

Người nghèo trọn không đủ.

展轉無休息

Triển chuyển vô hưu túc

Xoay chuyển không dừng nghỉ.

如是貧無智

Như thị bần vô trí

Như thế nghèo, vô trí.

於是國貧須賴持是金珠已。

ư thị quốc bần tu lại trì thị kim châu dĩ.

Tại nước nghèo ấy, Tu Lại cầm giữ vàng bạc châu ngọc rồi

與諸大眾圍繞周匝。詣王波斯匿。當於爾時王波斯匿。

dữ chư Đại chúng vi nhiều châu tạp. nghệ Vương Ba-tu-nặc. đương ư nhĩ thời Vương Ba-tu-nặc.

cùng với đại chúng đi vòng đến chỗ Vua Ba-tu-nặc nhằm lúc đó Vua Ba-tu-nặc

以財寶故收上族姓子五百長者。

dĩ tài bảo cố thu thượng tộc tính tử ngũ bách Trưởng Giả.

đang thu giữ tiền tài bảo vật từ năm trăm con cháu dòng họ trưởng giả.

為之設罪欲薄其財義。於是國貧須賴。

vi chi thiết tội dục bạc kỳ tài nghĩa. ư thị quốc bần tu lại.

Vì chi bày tội ham muốn tài nghĩa nên Tu Lại nghèo ở nước đó

持是金珠詣王波斯匿。詣已便謂王言。我行舍衛大城之中。

trì thị kim châu nghệ Vương Ba-tu-nặc. nghệ dĩ tiện vị Vương ngôn. ngã hành Xá-vệ Đại thành chi trung.

đem vàng bạc châu ngọc ấy đến chỗ Vua Ba-tu-nặc, đến rồi liền nói với vua rằng:

Ta đi vào trong thành lớn của nước Xá-vệ

得往古人瑞應金珠價直普世。大王。我便生意。

đắc vãng cổ nhân thụ ứng kim châu giá trực phổ thế. Đại Vương. ngã tiện sanh ý.

được cổ nhơn ứng hiện vàng bạc châu báu trị giá khắp đời. Thưa Đại vương! Nay ta có ý muốn

欲以是寶與極貧者。以是故大王。

dục dĩ thị bảo dĩ cực bần giả. dĩ thị cố Đại Vương.

lấy vật báu đem cho người nghèo. Do vậy thưa Đại vương!

+如我所憶念是城中惟王極貧。善哉大王唯受是寶。

như ngã sở ức niệm thị thành trung duy Vương cực bản. Thiện tai Đại Vương duy thọ thị bảo.

Nhu chỗ ta nghĩ thì trong thành chỉ có nhà Vua rất nghèo. Hay thay thua Đại vương, xin ngài nhận lấy vật báu ấy.

於是王波斯匿便有慚顏。謂國貧須賴言。

ư thị Vương Ba-tu-nặc tiện hữu tâm nhan. vị quốc bản tu lại ngôn.

Lúc đó vua Ba-tu-nặc liền có vẻ xấu hổ nói với Tu Lại ở nước nghèo rằng:

我貧於汝耶。於是國貧須賴。於大眾前。

ngã bản ư nhữ da. hị quốc bản tu lại. ư Đại chúng tiền.

Ta nghèo với ông ư? Như thế Tu Lại nghèo ở trong nước đó đứng trước đại chúng.

為王波斯匿。便說偈言。

vì Vương Ba-tu-nặc. tiện thuyết kệ ngôn.

vì Vua Ba-tu-nặc liền nói bài kệ rằng:

夫以貪縛者

Phu dĩ tham phục giả

Kìa vì tham trói buộc

為王造損耗

vì Vương tạo tổn hao

Vì Vua làm hao tổn

不顧於後世

Bất cố ư hậu thế

Chẳng trông lại đời sau

如是不貪耶

Nhu thị bất tham da

Nhu thế không tham sao?

善立成大慈

Thiện lập thành Đại từ

Khéo lập lòng từ lớn

知足無所欲

Tri túc vô sở dục

Biết đủ không ham muốn

若見於眾生

Nhược kiến ư chúng sanh

Hoặc thấy ở chúng sanh

以是無怨嫌

Dĩ thị vô oán hiềm

Vì thế không oán giận

善處閑居士

Thiện xử nhàn Cư sĩ

Cư sĩ khéo sống nhàn,

如不獲於法

Nhu bất hoạch ư Pháp

Nhu không được ở pháp,

一切從眾邪

nhất thiết tòng chúng tà

Tất cả theo chúng tà

不顧當來世

Bất cố đương lai thế

Chẳng trông lại đời sau,

已屬於女人

Dĩ chúc ư nữ nhân

Đã cùng các nhân nữ,

戒禁淨無瑕

增業而不飽

Tăng nghiệp nhi bất bão

Thêm nghiệp mà chẳng đủ.

熱已亦熱彼

Nhiệt kỷ diệc nhiệt bi

Đốt mình cũng đốt người.

無德不計死

Vô đức bất kê tử

Không đức chẳng kể chết.

以法故明者

Dĩ Pháp cố minh giả

Dùng giáo pháp làm sáng.

不成長塵勞

Bất thành trường trần lao

Không thành trường trần lao.

彼貪不復生

Bi tham bất phục sanh

Kìa tham chẳng sanh lại.

即生大悲心

Tức sanh Đại bi tâm

Liền sanh tâm đại bi.

如是富大財

Nhu thị phú Đại tài

Nhu thế giàu, của lớn.

貪富貴之士

Tham phú quý chi sĩ

Kẻ sĩ tham giàu sang.

於下貧眾生

ư hạ bản chúng sanh

Cho đến bản chúng sanh.

好於女色樂

Hào ư nữ sắc lạc

Ham vui nơi nữ sắc.

王如是貧者

Vương như thị bản giả

Vua như thế nghèo ấy.

其信清不濁

kỳ tín thanh bất trược

Tin kia sạch, chẳng trược.

性和懷慚愧

Giới cấm tịnh vô hà
Cấm giới sạch chẳng do
捨決常安住
Xả quyết thường an trú
Bỏ hết thường an trú
往往慧入心
Vãng vãng tuệ nhập tâm
Qua lại huệ nhập tâm,
如是不貧士
Nhu thị bất bần sĩ
Nhu thể kẻ không nghèo,
手終不捨施
Thủ chung bất xả thí
Tay trọn không xả thí
不從道趣要
Bất tòng đạo thú yếu
Chẳng theo đường ác thú
或猶如醉象
Hoặc do như tụy tượng
Hoặc giống như voi say
無有志性故
Vô hữu chí tánh cố
Không có chí tánh vậy
法寶敬聖眾
Pháp bảo kính Thánh chúng
Pháp bảo kính thánh chúng
不要易取要
Bất yếu dịch thủ yếu
Chẳng cần đổi lấy cần,
立志樂不惑
Lập chí lạc bất hoặc
Lập chí ưa chẳng lầm
明智者所敬
Minh trí giả sở kính
Bạch minh trí cung kính
夢燒不捨步
mộng thiêu bất xả bộ
Mộng cháy chẳng rời bước,
晝夜流入海
Trú dạ lưu nhập hải
Ngày đêm nước vào biển,
周行於四域
Châu hành ư tứ vực
Đi khắp ở bốn cõi,
積財不飽終
Tích tài bất bão chung
Tích chứa của chẳng no
不求燒草本
Bất cầu thiêu thảo bản
Chẳng cầu cháy cây cỏ
亦如是大王
Diệc như thị Đại Vương
Đại vương cũng như vậy,
王富貴無常
Wang phú quý vô thường

Tánh hòa hoài tâm quý
Tánh thường nghĩ tâm quý.
聞法從聖賢
Văn Pháp tòng Thánh hiền
Nghe pháp theo Thánh hiền.
後世捨惡趣
Hậu thế xả ác thú
Đời sau bỏ đường ác.
以法自校飾
Dĩ Pháp tự giáo súc
Dùng pháp tự trang súc.
身壽業不要
Thân thọ nghiệp bất yếu
Thân sống nghiệp chẳng cần.
壽或於世行
Thọ hoặc ư thế hành
Sống hoặc ở đời làm
如是之貧士
Nhu thị chi bần sĩ
Kẻ sĩ nghèo như thể.
若有信佛寶
Nhuợc hữu tín Phật bảo
Nếu có tin Phật bảo.
身命業不要
Thân mạng nghiệp bất yếu
Thân mạng nghiệp chẳng cần.
不悲亦不愚
Bất khuê diệc bất ngu
Không giận cũng không ngu.
如是士不貧
Nhu thị sĩ bất bần
Nhu thể sĩ không nghèo.
必性無飽足
Tất tánh vô bão túc
Hẳn tánh không no đủ.
眾流無充足
chúng lưu vô sung túc
Các dòng nước không đủ.
日月無充飽
Nhật nguyệt vô sung bão
Nhật nguyệt không sung túc.
王貪無終飽
Vương tham vô chung bão
Vua tham chẳng trọn đủ.
大王火性者
Đại Vương hỏa tánh giả
Đại vương tánh lửa ấy.
此是其常數
Thử thị kỳ thường số
Đây là thường số kia.
於三無所燒
Ư tam vô sở thiêu
Ở ba chỗ chẳng cháy.
其喻如草露
Kỳ dụ như thảo lộ

Vương phú quý vô thường
Vua giàu có vô thường
誰當願求王
Thùy đương nguyện cầu Vương
Ai sẽ nguyện cầu vua
於是王波斯匿。

Ư thị Vương Ba-tu-nặc, vị quốc bản Tu lại ngôn.

Như thế Vua Ba-tu-nặc nói với Tu Lại nghèo ở trong nước rằng:

我貧於卿誰當證是。大王不聞耶。如來無所著等正覺。

ngã bản ư khanh thùy đương chứng thị. Đại Vương bất văn da. Như Lai vô sở trước
đẳng chánh giác.

Ta nghèo hơn khanh ai sẽ chứng minh đúng? Đại vương không nghe u! Như lai vô sở
trước đẳng chánh giác.

一切知一切現。所知審誠信立所證。

nhất thiết tri nhất thiết hiện. sở tri thâm thành tín lập sở chứng.

Biết tất cả hiện tất cả chỗ biết rõ thành thật tin lập sở chứng.

審於一切諸世人阿須倫。遊於是舍衛大城。須賴。

thâm ư nhất thiết chư thế nhân a tu luân. du ư thị Xá-vệ Đại thành. tu lại.

Xét rõ tất cả các đời người, a tu luân, đang đến ở thành lớn nước Xá-vệ. Tu Lại,
我亦曾聞見是者。大王。

ngã diệc tăng văn kiến thị giả. Đại Vương.

Ta cũng từng nghe thấy như thế. Đại vương!

如來為我證王貧甚於我。以是故須賴當往問如來。

Như Lai vì ngã chứng Vương bản thậm ư ngã. dĩ thị cố tu lại đương vãng vấn Như
Lai.

Như Lai vì ta chứng vua nghèo hơn ở ta vì thế cho nên Tu Lại sẽ đến hỏi Như Lai.

如彼所決便當奉持。於是國貧須賴。說偈言。

như bỉ sở quyết tiện đương phụng trì. ư thị quốc bản tu lại. thuyết kệ ngôn.

Như vua quyết định ta sẽ phụng trì, như vậy Tu Lại nghèo ở nước đó nói bài kệ
rằng:

我師行不違

Ngã sư hành bất vi

Thầy ta làm không trái

彼知乘空來

Bỉ tri thừa không lai

Ngài biết nương không đến

今世及後世

Kim thế cập hậu thế

Đời nay và đời sau

大儒當至此

Đại nho đương chí thử

Đại Nho sẽ đến đây

愍一切眾生

Mẫn nhất thiết chúng sanh

Thương tất cả chúng sanh

眾生至志心故

Chúng sanh chí tâm cố

Chúng sanh chí tâm vậy

必信意莫疲

Tất tín ý mạc bì

Quyết tin ý chẳng mệt

Kỳ dụ như thảo lộ

Kia dụ như sương cỏ.

聞如是說者

Văn như thị thuyết giả

Nghe lời nói như thế.

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

謂國貧須賴言。

世尊必當來
Thế tôn tất đương lai
Thế Tôn ắt sẽ đến

幢幡及伎樂
Tràng phiên cập kỹ nhạc
Tràng phan và kỹ nhạc

須賴叉手。右膝著地。說偈言。

Tu lại xoa thủ, hữu tất trước địa, thuyết kệ ngôn.
Tu Lại chấp tay, gối phải quỳ sát đất nói bài kệ rằng:

若佛審諦知
Nhuộc Phật thẩm đế tri
Nếu Phật xét rõ biết

以是至誠故
Dĩ thị chí thành cố
Đã đạt chí thành vậy

說是言已於是地動。如來忽然化從地出。

thuyết thị ngôn dĩ ư thị địa động. Như Lai hốt nhiên hóa tòng địa xuất.
Tu lại nói lời ấy cõi đất rung động, Như lai bỗng nhiên hoá từ đất ra,
五百弟子。菩薩千二百。

ngũ bách đệ tử, Bồ-tát thiên nhị bách,
năm trăm đệ tử, Bồ-tát một ngàn hai trăm vị,

釋梵護世者諸天數百萬。見佛現神歎未曾有。

thích phạm hộ thế giả chư Thiên số bách vạn. kiến Phật hiện Thần thần vị tăng
hữu.

các Thích Phạm ủng hộ đời, chư thiên vài trăm vạn thấy Phật hiện thần thông khen
ngợi sự kiện chưa từng có.

王及大臣一切眷屬皆跪禮勝足。

Vương cập Đại Thần nhất thiết quyền thuộc giai quy lễ thắng túc.

Vua và đại thần tất cả bà con đều quỳ làm lễ đầy đủ.

數千眾生供養世尊皆發道意。於是國貧須賴。叉手白世尊言。

số thiên chúng sanh cung dưỡng Thế tôn giai phát đạo ý. ư thị quốc bần tu
lại. xoa thủ bạch Thế tôn ngôn.

Vài ngàn chúng sanh cúng dường Thế Tôn đều sanh ý đạo, như thế Tu Lại nghèo ở
nước ấy chấp tay bạch Thế Tôn rằng:

我行是舍衛大城中。得往古人瑞應金珠價直普世。

ngã hành thị Xá-vệ Đại thành trung. đắc vãng cổ nhân thụ ứng kim châu giá trực
phổ thế.

Con đi vào trong thành lớn của nước Xá-vệ được người xưa ứng hiện vàng bạc châu
ngọc trị giá nhất thế gian.

以是故世尊。於是城中若有貧者當以與之。

dĩ thị cố Thế tôn. ư thị thành trung nhuộc hữu bần giả đương dĩ dữ chi.

Do vậy bạch Thế Tôn, ở trong thành này nếu có người nghèo, con nên cho họ.

世尊。我謂是舍衛城中王波斯匿即是極貧。

Thế tôn. ngã vị thị Xá-vệ thành trung Vương Ba-tu-nặc túc thị cực bần.

Bạch Thế Tôn! Con bảo trong thành Xá-vệ có Vua Ba-tu-nặc chính là rất nghèo.

何以故。侵剋他有不知厭足。

hà dĩ cố. xâm khắc tha hữu bất tri yếm túc.

Vì sao vậy? Vì xâm lấn chiếm đoạt của người khác có không biết nhàm chán,

貪於財寶不諦於誠實。憍惱下貧減損富有者。

tham ư tài bảo bất đế ư thành thật. nhiều nảo hạ bần giảm tổn phú hữu giả.

華鬘及眾香
Hoa man cập chúng hương
Hoa man cùng các hương

大儒如是來
Đại nho như thị lai
Đại Nho như vậy đến.

我定至心者
Ngã định chí tâm giả
Định chí tâm của con

若知立我前
nhuộc tri lập ngã tiền
Nếu biết xin Ngài đến.

tham lam của cái chẳng biết xét rõ chỗ thành thật, là người hạng nghèo, thường giảm mất sự giàu có,

專於王勢愛著色欲。以是金珠與之。王不肯受問我。

chuyên u Vương thế ái trước sắc dục. dĩ thị kim châu dữ chi. Vương bất khăng thọ vấn ngã.

chuyên dựa vào thế lực mình là Vua mà đắm trước sắc dục, do vậy lấy vàng bạc châu ngọc đem cho Vua, vua, không chịu nhận, lại hỏi con,

以證我貧仁富。唯願如來無所著等正覺。

dĩ chứng ngã bần nhân phú. duy nguyện Như Lai vô sở trước đẳng chánh giác.

ai làm chứng ta nghèo, còn nhân giả thì giàu, cúi xin Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác

以一切智一切慧所知審為信審為稱審別

dĩ nhất thiết trí nhất thiết tuệ sở tri thâm vi tín thâm vi xung thâm biệt dùng Nhứt thiết trí, Nhứt thiết Tuệ để biết rõ, làm tin xét kỹ, và phân biệt rõ, 為一證。善哉世尊。等心於一切。

vi nhất chúng. Thiện tai Thế tôn. đẳng tâm u nhất thiết.

mà làm chúng. Lành thay Thế Tôn! tâm bình đẳng với tất cả,

去離貢高無所偏黨願說是義。於是世尊。告王波斯匿。

khứ ly cống cao vô sở Thiên đảng nguyện thuyết thị nghĩa. u thị Thế tôn. cáo Vương Ba-tu-nặc.

xa lìa cống cao không chỗ thiên lệch nguyện nói nghĩa đúng. Như vậy Thế Tôn bảo Vua Ba-tu-nặc:

審實大王如須賴言審爾。世尊審爾安住。

thẩm thật Đại Vương như tu lại ngôn thẩm nhĩ. Thế tôn thẩm nhĩ an trú.

Xét đúng sự thật Đại vương như Tu Lại xác định vậy. Thế Tôn an trú định rõ.

於是世尊欲決須賴疑。告王波斯匿王。

u thị Thế tôn dục quyết tu lại nghi. cáo Vương Ba-tu-nặc Vương.

Như vậy Thế Tôn muốn quyết chắc sự nghi ngờ của Tu Lại bảo Vua Ba-tu-nặc vương:

有緣大王富於須賴復有緣理。須賴富於大王。

hữu duyên Đại Vương phú u tu lại phục hữu duyên lý. tu lại phú u Đại Vương.

Đại vương có duyên giàu sang nên với Tu Lại lại có cái duyên, Tu Lại giàu hơn Đại vương.

彼何等為緣。所謂王業尊貴之利。營從金銀珠玉。

bỉ hà đẳng vi duyên. sở vị Vương nghiệp tôn quý chi lợi. doanh tông kim ngân châu ngọc.

Đó là duyên thế nào? Chỗ nói rằng vương nghiệp lợi ích tôn quý, giữ vàng bạc châu ngọc,

水精琉璃真珠珊瑚。象馬車乘倉藏儲珍。

thủy tinh lưu lý chân châu san hô. tượng mã xa thừa thương tạng 儲 trân.

thủy tinh, lưu lý chơn châu san hô, voi ngựa xe cộ kho tàng cất giữ trân báu.

以是因緣大王富於須賴。若復大王。

dĩ thị nhân duyên Đại Vương phú u tu lại. nhược phục Đại Vương.

Lý do như vậy Đại vương giàu hơn Tu Lại, hoặc nữa Đại vương:

施與戒聞捨無著閑居之德。

thí dữ giới văn xả Vô trước nhàn cư chi đức.

Bồ thí cùng trì giới nghe bỏ xa lìa không đắm trước đức của nhàn cư.

慈悲喜護禪定解脫三昧正受。信佛法眾堅固之志直信慚愧有行。

từ bi hi hộ Thiền định giải thoát tam muội chánh thọ. tín Phật Pháp chúng kiên cố chí chí trực tín tâm quý hữu hành.

Từ bi hỷ xả giúp cho thiên định giải thoát tam muội chánh thọ. Có chí kiên cố, tin Phật, pháp, tăng, có hạnh ngay thẳng, biết tầm quý.

以是因緣大王須賴富於王。

dĩ thị nhân duyên Đại Vương tu lại phú ư Vương。

Vì lý do ấy, Đại vương Tu Lại giàu có hơn vua.

假令大王所部人民。財寶富有皆如大王。以比此族姓須賴。

giả linh Đại Vương sở bộ nhân dân. tài bảo phú hữu giai như Đại Vương. dĩ bi thử tộc tính tu lại。

Giả khiến toàn bộ nhân dân của Đại vương của báu giàu có đều như Đại vương đem so sánh dòng họ Tu Lại đây.

行七步中間戒聞施智。百倍不及千倍不及。

hành thất bộ trung gian giới văn thí trí. bách bội bất cập thiên bội bất cập。

Đi bộ bảy bước ở giữa giới, văn, thí, trí, gấp trăm không kịp gấp ngàn không

巨億萬倍。不得為比。於是王波斯匿。

cự ức vạn bội. bất đắc vi bi. ư thị Vương Ba-tu-nặc。

lớn gấp ức vạn không so sánh được. Như thế Vua Ba-tu-nặc

攝除貢高白世尊言。甚得善利安住。

nhiep trừ công cao bạch Thế tôn ngôn. thậm đắc thiện lợi an trú。

đẹp trừ công cao bạch Thế Tôn: Rất được thiện lợi an trú

而我界內有是大士。世尊言。如是大王。如是大王。

nhĩ ngã giới nội hữu thị Đại sĩ. Thế tôn ngôn. như thị Đại Vương. như thị Đại Vương。

mà trong cõi của con có Đại sĩ ấy. Thế Tôn dạy: như vậy Đại vương, như vậy Đại vương

王之界內有是大士。又復大王。

Wang chi giới nội hữu thị Đại sĩ. hựu phục Đại Vương。

Vương trong cõi của Vua có Đại sĩ ấy. Lại nữa Đại vương。

又復多有餘大士在王國界如須賴者。王波斯匿。於須賴前說偈言。

hựu phục đa hữu dư Đại sĩ tại Vương quốc giới như tu lại giả. Vương Ba-tu-nặc. ư tu lại tiên thuyết kệ ngôn。

Lại nữa có nhiều Đại sĩ ở cõi nước ông như Tu Lại ấy. Vua Ba-tu-nặc ở trước Tu Lại nói bài kệ rằng:

仁是我之師

nhân thị ngã chi sư

Nhân chính là thầy ta

緣仁除貢高

Duyên nhân trừ công cao

Nhờ Nhân trừ công cao

願與營從俱

Nguyện dữ doanh tòng câu

Nguyện cùng đến chỗ đó

為貢高所欺

Vi công cao sở khi

Vì công cao lừa dối

為王位所惑

Vi Vương vị sở hoặc

Làm ngôi Vua mê hoặc

今聞須賴言

Kim văn Tu lại ngôn

Nay nghe Tu lại nói

佛亦我之師

Phật diệc ngã chi sư

Phật cũng là thầy ta

今以國相上

Kim dĩ quốc tướng thượng

Nay dùng nước trên hết

為仁之弟子

Vi nhân chi đệ tử

Làm đệ tử của Ngài

使於斯長夜

Sử ư tu trường dạ

Khiến ở đêm dài đây

不行於道法

Bất hành ư đạo Pháp

Chẳng làm theo đạo pháp

蒙仁當行法

Mông nhân đương hành Pháp

Gặp Ngài đang hành pháp

今是五百人
Kim thị ngũ bách nhân
Nay có năm trăm người

今悉放捨之
Kim tất phóng xả chi
Nay đều buông xả ra

此五百人。聞得解脫已欲報須賴恩。

Thử ngũ bách nhân. văn đắc giải thoát dĩ dục báo tu lại ân.
Năm trăm người đây nghe được giải thoát rồi muốn đền ơn Tu Lại.

滅意不顧業無所復顧應。以誓自誓立一切智心。

diệt ý bất cố nghiệp vô sở phục cố ứng. dĩ thệ tự thệ lập nhất thiết trí tâm.
Diệt ý chẳng nhìn lại nghiệp không nơi nhìn lại, nhờ phát nguyện tự thệ nhưt
thiết trí tâm.

於是王波斯匿。謂須賴言。我貧仁不貧。

ư thị Vương Ba-tu-nặc. vị tu lại ngôn. ngã bần nhân bất bần.
Như thế Vua Ba-tu-nặc nói với Tu Lại rằng: Ta nghèo Ngài chẳng nghèo.

須仁所言是為快善。其稱須賴貧謫以犯王法。

tu nhân sở ngôn thị vi khoái thiện. kỳ xưng tu lại bần trích dĩ phạm Vương Pháp
Ngài Tu lại chính là người yêu thích điều thiện, ai gọi Tu Lại kia nghèo thì bị
giáng chúc vì phạm pháp vua.

是須賴者但當名須賴。不得復稱貧。

thị tu lại giả dân đương danh tu lại. bất đắc phục xưng bần.
Chính Tu Lại ấy chỉ sẽ gọi Tu Lại, chẳng được lại xưng nghèo.

於是族姓子須賴即從坐起。更整衣服右膝著地。

ư thị tộc tính tử tu lại tức tùng tọa khởi. canh chỉnh y phục hữu tất trước địa
Như thế con cháu dòng họ Tu Lại liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục gối
phải sát đất

叉手白佛言。是諸大眾普會欲見如來。

xoá thủ bạch Phật ngôn. thị chư Đại chúng phổ hội dục kiến Như Lai.
chấp tay bạch Phật rằng: Chính các đại chúng hội họp khắp nơi muốn thấy Như Lai.
善哉世尊。為是大眾如是說法。

Thiện tai Thế tôn. vi thị Đại chúng như thị thuyết Pháp.
Lành thay Thế Tôn vì đại chúng ấy thuyết pháp như vậy.

令是大眾不忘見佛。佛告須賴言。族姓子。有四法具足受持。

linh thị Đại chúng bất vong kiến Phật. Phật cáo tu lại ngôn. tộc tính tử. hữu tứ
Pháp cụ túc thọ trì.

khiến đại chúng ấy đừng quên thấy Phật. Phật bảo Tu Lại rằng: Con cháu dòng họ
có bốn pháp thọ trì đầy đủ.

若族姓子族姓女。見如來者審見善見。

nhược tộc tính tử tộc tính nữ. kiến Như Lai giả thâm kiến thiện kiến.
Hoặc con cháu trai hoặc con cháu gái thấy Như Lai ấy xét rõ khéo thấy.

何謂四法。至心愛心悅心敬心是為四。復有四。

hà vị tứ Pháp. chí tâm ái tâm duyệt tâm kính tâm thị vi tứ. phục hữu tứ.
Thế nào gọi bốn pháp: Tâm có chí, tâm thương yêu, tâm vui vẻ, tâm cung kính đó
chính là bốn. Lại nữa có bốn:

何謂四。是須賴。族姓子族姓女。

hà vị tứ. thị tu lại. tộc tính tử tộc tính nữ.
Sao gọi là bốn? Chính là Tu Lại dòng họ con trai dòng họ con gái.

見如來色像成就。便發無上正真道意。

kiến Như Lai sắc tượng thành tựu. tiện phát vô thượng chánh chân đạo ý.

吾以貪故繫
Ngô dĩ tham cố hệ
Ta vì tham, buộc họ

願屬仁侍使
Nguyện chúc nhân thị sử
Nguyện theo Nhân hầu hạ

Thấy sắc tượng Như Lai thành tựu liền phát đạo ý chánh chơn vô thượng.

至心發意不違如來意。愛念眾生欲永度脫故。

chí tâm phát ý bất vi Như Lai ý. ái niệm chúng sanh dục vĩnh độ thoát cố.
Chí tâm phát ý không trái ý Như Lai, tâm thương xót chúng sanh muốn độ thoát
vĩnh viễn vậy.

欲使奉法故。欲使三寶不斷故。以是四法故。須賴。

dục sử phụng Pháp cố. dục sử Tam Bảo bất đoạn cố. dĩ thị tứ Pháp cố. tu lại.
Muốn khiến tôn trọng giáo pháp, muốn khiến tam bảo không đoạn tuyệt vậy
Đó chính là bốn pháp, Tu Lại.

族姓子族姓女。具足見如來成其審見善見。

tộc tính tử tộc tính nữ. cụ túc kiến Như Lai thành kỳ thâm kiến thiện kiến.
đó là dòng họ con trai dòng họ con gái, thấy Như Lai mà quán xét, khéo nhìn đầy
đủ vậy.

復有四法。族姓子族姓女。

phục hữu tứ Pháp. tộc tính tử tộc tính nữ.

Lại có bốn pháp, dòng họ con trai dòng họ con gái

見於如來成其審見善見。何謂四。色痛想行識行無所視見。

kiến u Như Lai thành kỳ thâm kiến thiện kiến. hà vị tứ. sắc thống tưởng hành
thức hành vô sở thị kiến.

thấy ở Như Lai quán xét kỹ khéo nhìn. Sao gọi là bốn: Sắc, thống, tưởng, hành,
thức làm không chỗ nhìn thấy.

觀四大等空。諸情如空聚。我想覺知。

quán tứ Đại đẳng không. chư tình như không tụ. ngã tưởng giác tri.

Quán bốn đại bằng không, các tình như không họp, ngã tưởng đều biết rõ.

以是四事。族姓子族姓女。成其審見善見。

dĩ thị tứ sự. tộc tính tử tộc tính nữ. thành kỳ thâm kiến thiện kiến.

Đó là bốn việc. Dòng họ con trai dòng họ con gái thành tựu được sự quán xét kỹ
khéo nhìn.

復有四法。族姓子族姓女。見佛甚潔淨。

phục hữu tứ Pháp. tộc tính tử tộc tính nữ. kiến Phật thậm khiết tịnh.

Lại có bốn pháp: Dòng họ con trai dòng họ con gái thấy Phật rất thanh tịnh.

淨於我離我故。淨於眾生離眾生故。淨於壽離壽故。

tịnh u ngã ly ngã cố. tịnh u chúng sanh ly chúng sanh cố. tịnh u thọ ly thọ cố.

Tịnh ở nơi ta lìa bỏ nơi ta vậy, tịnh ở chúng sanh lìa chúng sanh vậy, tịnh ở
thọ lìa ở thọ vậy,

淨於命離命故。以是四法具足。

tịnh u mạng ly mạng cố. dĩ thị tứ Pháp cụ túc.

tịnh ở mạng lìa ở mạng vậy, đó là đầy đủ bốn pháp.

族姓子族姓女。見如來甚潔淨復有四。何謂四。

tộc tính tử tộc tính nữ. kiến Như Lai thậm khiết tịnh phục hữu tứ. hà vị tứ.

dòng họ con trai dòng họ con gái thấy Như Lai thì rất thanh tịnh. Lại có bốn
pháp. Thế nào là bốn?

天眼無所作為。慧眼無所著行。佛眼如審覺寤。

Thiên nhãn vô sở tác vi. tuệ nhãn vô sở trước hành. Phật nhãn như thâm giác ngộ.
Thiên nhãn không có chỗ làm, tuệ nhãn không chỗ đắm trước, Phật nhãn như nhìn kỹ
thức tỉnh,

法眼如知所現。是為四法。復有四法。

Pháp nhãn như tri sở hiện. thị vi tứ Pháp. phục hữu tứ Pháp.

Pháp nhãn như biết chỗ hiện, đó là bốn pháp. Lại có bốn pháp:

族姓子族姓女。見如來甚潔淨。何謂四。

tộc tính tử tộc tính nữ. kiến Như Lai thậm khiết tịnh. hà vị tú.
Dòng họ con trai dòng họ con gái thấy Như Lai rất thanh tịnh. Sao bảo là bốn?
淨於戒品無所連著。淨於定品以諸法定故。

tịnh u giới phẩm vô sở liên trước. tịnh u định phẩm dĩ chư Pháp định cố.
Tịnh ở giới phẩm không chỗ say đắm dính mắc, tịnh ở định phẩm do các pháp định vậy.

淨於慧品以度世智等故。

tịnh u tuệ phẩm dĩ độ thế trí đẳng cố.
tịnh ở huệ phẩm dĩ độ hàng thế trí vậy,

淨於解慧度智見品善解脫解脫無所度故。以是四法具足故。

tịnh u giải tuệ độ trí kiến phẩm thiện giải thoát giải thoát vô sở độ cố. dĩ thị tứ Pháp cụ túc cố.

tịnh ở giải huệ độ trí kiến phẩm khéo giải thoát giải thoát không chỗ độ vậy, đó chính đầy đủ bốn pháp.

見如來甚潔淨。當其說是四事次第法化時。

kiến Như Lai thậm khiết tịnh. đương kỳ thuyết thị tứ sự thứ đệ Pháp hóa thời.
Thấy Như Lai rất thanh tịnh đang khi nói bốn việc kia là pháp hoá thứ tự.

七百弟子發意。以弟子乘而得解脫。

thất bách đệ tử phát ý. dĩ đệ tử thừa nhi đắc giải thoát.
Bảy trăm đệ tử phát ý nhờ nương đệ tử mà được giải thoát.

具滿千眾生發無上正真道意。於是世尊。

cụ mãn thiên chúng sanh phát vô thượng chánh chân đạo ý. u thị Thế tôn.
Đầy đủ ngàn chúng sanh phát đạo ý chánh chơn vô thượng. Như vậy Thế Tôn.

為王波斯匿及諸大眾。說是法教訓皆令歡喜踊躍。便從坐起。

vì Vương Ba-tu-nặc cập chư Đại chúng. thuyết thị Pháp giáo huấn giai linh hoan hỷ dũng dục. tiện tùng tọa khởi.

Vì vua Ba-tu-nặc và các đại chúng nói pháp giáo huấn đó đều khiến hoan hỷ vui mừng liền từ chỗ ngồi đứng dậy,

與菩薩及諸大弟子。

dữ Bồ-tát cập chư Đại đệ tử.
cùng Bồ-tát và các đại đệ tử.

以神足力乘於虛空猶如鴈王。還到祇樹給孤獨園。於是王波斯匿。

dĩ Thần túc lực thừa hư không do như nhạn Vương. hoàn đảo Kỳ Thọ Cấp cô độc viên. u thị Vương Ba-tu-nặc.

dùng sức thần thông bay lên hư không giống như nhạn chúa. Trở lại vườn Kỳ thọ cấp cô độc. Như thế vua Ba-tu-nặc

謂族姓子須賴言。

vị tộc tính tử tu lại ngôn.

bảo con cháu dòng họ Tu Lại rằng:

若如仁者詣如來時願見告勅。己欲侍從可爾。時王亦願。

nhược như nhân giả nghê Như Lai thời nguyện kiến cáo sắc. kỷ dục thị tông khả nhĩ. thời Vương diệc nguyện.

Nếu như Nhân giả khi đến chỗ Như Lai, nguyện xin thua cho, tôi muốn theo cùng, có thể như thế. Lúc đó vua cũng nguyện:

大王後宮嫫女及諸大臣大眾圍繞俱往見佛。

Đại Vương hậu cung 嫫 nữ cập chư Đại Thần Đại chúng vây Quanh câu vãng kiến Phật Mỹ nữ hậu cung cùng các đại thần của vua đi đến gặp Phật.

於是舍衛大城之中立普施限。

u thị Xá-vệ Đại thành chi trung lập phổ thí hạn.

Như thế mà trong thành lớn của nước Xá-vệ lập bổ thí cùng khắp không có giới hạn.

不詣佛者使有過譴。所以者何。又復大王。

bất nghê Phật giả sử hữu quá trích, sở dĩ giả hà, hựu phục Đại Vương。

Người không đến chỗ Phật khiến có trách móc chỉ lỗi. Sở dĩ vì sao? Lại nữa Đại vương:

菩薩立行不獨為己故。菩薩立行欲安一切眾生故。又復大王。

Bồ-tát lập hành bất độc vi kỷ cố. Bồ-tát lập hành dục an nhất thiết chúng sanh cố. hựu phục Đại Vương。

Bồ-tát lập hạnh không riêng vì mình, Bồ-tát lập hạnh muốn tất cả chúng sanh được an lạc vậy. Lại nữa Đại vương:

菩薩不以一人二人故而發道意。

Bồ-tát bất dĩ nhất nhân nhị nhân cố nhi phát đạo ý。

Bồ-tát chẳng vì một người hai người mà phát ý đạo。

大聚大眾以為將從於是顯好。又問何謂菩薩之將從。

Đại tụ Đại chúng dĩ vi tướng tòng ư thị hiển hảo. hựu vấn hà vị Bồ-tát chi tướng tòng。

Đại chúng nhóm họp là để làm theo như thế mà hiển bày tốt đẹp. Lại hỏi thế nào gọi là mong muốn đi theo Bồ-tát?

一切則是菩薩將從。欲濟度脫之故。

nhất thiết tắc thị Bồ-tát tướng tòng. dục tế độ thoát chi cố。

Tất cả thời là mong muốn theo Bồ-tát, muốn cứu độ thoát khỏi。

發道意者是菩薩之將從不獨小乘而轉進故。

phát đạo ý giả thị Bồ-tát chi tướng tòng bất độc Tiểu thừa nhi chuyển tiến cố。

Người phát ý đạo chính là mong muốn theo Bồ-tát không riêng Tiểu thừa mà chuyển tiến lên vậy。

心堅固者是菩薩之將從。

tâm kiên cố giả thị Bồ-tát chi tướng tòng。

Người tâm kiên cố chính là mong muốn theo Bồ-tát。

欲攝伏一切諛諂眾生之故。無懷之心是菩薩之將從。

dục nhiếp phục nhất thiết du siểm chúng sanh chi cố. vô hoài chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng。

Muôn nhiếp phục tất cả chúng sanh nịnh hót, không tâm hoài niệm chính là mong muốn theo Bồ-tát。

欲著異之行轉進之故。無猶豫之心是菩薩之將從。

dục trước dị chi hành chuyển tiến chi cố. vô do dự chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng。

Muốn làm cho khác chuyển tiến lên vậy. Không có tâm do dự chính là mong muốn theo Bồ-tát,

不亭等轉故。布施之心是菩薩之將從。

bất đình đẳng chuyển cố. bố thí chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng。

không một chút ngừng chuyển vậy. Tâm của bố thí chính là mong muốn theo Bồ-tát

攝懷嫉眾生故。持戒之心是菩薩之將從。

nhiếp hoài tật chúng sanh cố. trì giới chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng。

thâu nhiếp thương yêu sự căm ghét của chúng sanh vậy. Tâm của trì giới chính là mong muốn theo Bồ-tát。

攝惡戒眾生故。忍辱之心是菩薩之將從。

nhiếp ác giới chúng sanh cố. nhẫn nhục chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng。

Thâu nhiếp ác giới chúng sanh. Tâm nhẫn nhục chính là mong muốn theo Bồ-tát。

攝持躁擾眾生之故。精進之心是菩薩之將從。

nhiếp trì táo nhiễu chúng sanh chi cố. tinh tấn chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng.

Thâu nhiếp chúng sanh quấy rối, tâm của tinh tấn chính là mong muốn theo Bồ-tát.

攝持懈廢眾生故。禪定之心是菩薩之將從。

nhiếp trì giải phế chúng sanh cố. Thiền định chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng.

Thâu nhiếp chúng sanh giải đãi lười biếng, tâm của thiền định chính là mong muốn theo Bồ-tát.

攝持亂意眾生之故。智慧之心是菩薩之將從。

nhiếp trì loạn ý chúng sanh chi cố. trí tuệ chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng.

Nhiếp trì chúng sanh loạn ý, tâm của trí tuệ chính là mong muốn theo Bồ-tát.

攝持一持惡智眾生之故。

nhiếp trì nhất trì ác trí chúng sanh chi cố.

Thâu nhiếp chúng sanh vừa nắm giữ ác trí.

慈心大王是菩薩之將從。心存不捨眾生故。

từ tâm Đại Vương thị Bồ-tát chi tướng tòng. tâm tồn bất xả chúng sanh cố.

Đại vương tâm từ chính là mong muốn làm theo Bồ-tát, còn mang trong lòng không bỏ chúng sanh vậy.

悲心是菩薩之將從。入於生死不患厭故。

bi tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng. nhập u sanh tử bất hoạn yếm cố.

Bi tâm chính là mong muốn theo Bồ-tát, vào trong sanh tử không nhàm chán vậy.

喜心是菩薩之將從。以法樂樂於眾生故。護心是菩薩之將從。

hỷ tâm thị Bồ-tát chi tướng tòng. dĩ Pháp lạc lạc u chúng sanh cố. hộ tâm thị

Bồ-tát chi tướng tòng.

Tâm vui vẻ chính là mong muốn theo Bồ-tát đem pháp lạc làm vui chúng sanh vậy,

tâm giúp đỡ chính là mong muốn làm theo Bồ-tát.

憎愛俱滅等行之故。四恩者大王。

tăng ái câu diệt đẳng hành chi cố. tứ ân giả Đại Vương.

Yêu ghét đều làm cho diệt vậy. Bốn ân ấy Đại vương.

是菩薩之將從。諸法無家而等行故。

thị Bồ-tát chi tướng tòng. chư Pháp vô gia nhi đẳng hành cố.

là mong muốn làm theo Bồ-tát. Các pháp không nhà mà ngang hàng vậy.

種種善本報應是菩薩之將從。相好智慧充滿具足故。

chủng chủng thiện bản báo ứng thị Bồ-tát chi tướng tòng. tướng hảo trí tuệ sung

mãn cụ túc cố.

Các thứ báo ứng thiện bản là mong muốn làm theo của Bồ-tát. Tướng tốt trí tuệ

sung mãn đầy đủ,

誓願潔淨是菩薩之將從。淨佛國土故。

thệ nguyện khiết tịnh thị Bồ-tát chi tướng tòng. tịnh Phật quốc thổ cố.

thệ nguyện thanh tịnh chính là mong muốn của Bồ-tát để tịnh Phật quốc độ vậy.

三脫是菩薩之將從。止宿甘露門之等行故。

tam thoát thị Bồ-tát chi tướng tòng. chỉ tú cam lộ môn chi đẳng hành cố.

Ba thứ giải thoát chính là mong muốn của Bồ-tát, dừng lại trú ở cam lộ môn vậy.

誠信不兩舌惡口妄言綺語是菩薩之將從。

thành tín bất lưỡng thiệt ác khẩu vọng ngôn khi ngữ thị Bồ-tát chi tướng tòng.

Thành tín không nói hai chiều, ác khẩu, dối trá, thêu dệt chính là mong muốn của Bồ-tát.

無違逆辭之等行故。柔軟甘辭是菩薩之將從。

vô vi nghịch từ chi đẳng hành cố. nhu nhuyễn cam từ thị Bồ-tát chi tướng tòng.

không làm điều trái nghịch vậy, dịu dàng ngọt ngào là mong muốn của Bồ-tát.

應辯報答等行之故。無所嬈亂是菩薩之將從。

ứng biện báo đáp đẳng hành chi cố. vô sở nhiều loạn thị Bồ-tát chi tướng tông. nên đó là hạnh biện giải báo đáp vậy. Không chỗ quấy nhiễu chính là mong muốn của Bồ-tát.

於一切眾生無醜貌故。

ư nhất thiết chúng sanh vô xú mạo cố.

Đối với tất cả chúng sanh không có tướng xấu đẹp.

多聞具足捨以轉受是菩薩之將從。志念無忘等之故。

đa văn cụ túc xả dĩ chuyển thọ thị Bồ-tát chi tướng tông. chí niệm vô vong đẳng chi cố.

Nghe nhiều đầy đủ bỏ để chuyển nhận chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát chí niệm không mất tất cả.

尊敬師長是菩薩之將從。未聞之法令人聞知。

tôn kính sư trưởng thị Bồ-tát chi tướng tông. vị văn chi Pháp linh nhân văn tri Tôn kính sư trưởng chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát. Pháp chưa được nghe khiến người nghe biết.

受持正法等行之故。捨家之心是菩薩之將從。

thọ trì chánh Pháp đẳng hành chi cố. xả gia chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tông. Thọ trì chánh pháp các hạnh, tâm rời gia đình chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát.

如所作無有損減等行之故。

như sở tác vô hữu tổn giảm đẳng hành chi cố.

Như Sở tác không có tổn giảm ngang hàng vậy.

閑居之心是菩薩之將從。白黑之法堅守護之故。

nhàn cư chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tông. bạch hắc chi Pháp kiên thủ hộ chi cố. Tâm thanh thân chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát, pháp hắc bạch chắc chắn giữ gìn ủng hộ.

威儀之心是菩薩之將從。不望於他有所受故。

uy nghi chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tông. bất vọng ư tha hữu sở thọ cố.

Tâm của oai nghi chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát, không hướng về người khác có chỗ thọ nhận vậy.

淨德無染是菩薩之將從。以甘善本等行之故。

tịnh đức vô nhiễm thị Bồ-tát chi tướng tông. dĩ cam thiện bản đẳng hành chi cố. Tịnh đức chẳng nhiễm chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát, do cam chịu thiện bản ngang hàng vậy.

潔淨之心是菩薩之將從。

khiết tịnh chi tâm thị Bồ-tát chi tướng tông.

Tâm thuần khiết thanh tịnh chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát.

無信眾生以立其信等行之故。無放恣心是菩薩之將從。

vô tín chúng sanh dĩ lập kỳ tín đẳng hành chi cố. vô phóng tứ tâm thị Bồ-tát chi tướng tông.

Chúng sanh chưa tin để làm kia tin ngang hàng vậy. Không có tâm buông lung chính là mong muốn làm theo của Bồ-tát.

一切佛道品法。具足充滿等行之故。於是王波斯匿。

nhất thiết Phật đạo phẩm Pháp. cụ túc sung mãn đẳng hành chi cố. ư thị Vương Ba-tu-nặc.

Tất cả đạo phẩm Phật pháp đầy đủ sung mãn ngang hàng vậy. Như thế Vua Ba-tu-nặc 聞是說已歡喜踊躍善心生焉。

văn thị thuyết dĩ hoan hỷ dũng dục thiện tâm sanh yên.

nghe nói xong rồi vui mừng hớn hở thiện tâm phát sanh.

以好名衣上服若干色綵。其價百千奉上須賴。

dĩ hào danh y thượng phục nhược can sắc thái. kỳ giá bách thiên phụng thượng tu lại.

Đem y áo tốt đẹp có nhiều màu sắc, giá trăm ngàn tiền dâng lên Tu Lại,

供養法故以法故受。彼不肯受而說是言。止止大王。

cung dưỡng Pháp cố dĩ Pháp cố thọ. bi bất khăng thọ nhi thuyết thị ngôn. chỉ chỉ Đại Vương.

cúng dường pháp vậy dùng pháp thọ nhận, kia không chịu nhận mà nói lời ấy, thôi thôi Đại vương:

是王所服。所以者何。我自弊服補納之衣。

thị Vương sở phục. sở dĩ giả hà. ngã tự hữu tệ phục bổ nạp chi y.

Áo mặc của Vua sở dĩ vì sao? Ta có áo xấu áo của bá nạp,

有時大王。我之此弊衣。掛樹一日或至七夜。

hữu thời Đại Vương. ngã chi thử tệ y. quải thụ nhất nhật hoặc chí thất dạ.

Có khi Đại vương, áo của ta xấu, móc lên trên cây một ngày hoặc đến bảy ngày đêm,

無有取者亦無貪者。我起遊行無顧惜意。

vô hữu thủ giả diệc vô tham giả. ngã khởi du hành vô cố tích ý.

không có người lấy cũng không tham ấy, ta khi dạo chơi không cố ý tiếc.

以是故大王。凡衣服者但以蓋形。

dĩ thị cố Đại Vương. phạm y phục giả dẫn dĩ cái hình.

Vì vậy Đại vương phạm y phục ấy chỉ dung che thân,

使已無著意又令彼不貪。王波斯匿。謂族姓子須賴言。

sử dĩ Vô trước ý hựu linh bi bất tham. Vương Ba-tu-nặc. vị tộc tính tử tu lại ngôn

khiến dùng xong không đấm trước khiến kia không tham. Vua Ba-tu-nặc nói với con cháu dòng họ Tu Lại rằng:

如汝須賴不受是衣者。願以足履。

như nhữ tu lại bất thọ thị y giả. nguyện dĩ túc lý.

Như ông Tu Lại không nhận y ấy xin đem làm giày dép,

令我長夜得福安隱。於是族姓子須賴。

linh ngã trường dạ đắc phúc an ổn. u thị tộc tính tử tu lại.

khiến ta đêm dài được phúc an ổn, như vậy con cháu dòng họ Tu Lại,

使足踏是名服百千價衣。慈愍於王波斯匿故。

sử túc đạo thị danh phục bách thiên giá y. từ mẫn u Vương Ba-tu-nặc cố.

dùng chân giẫm lên y phục tốt đẹp giá cả trăm ngàn từ bi thương xót Vua Ba-tu-nặc vậy.

於是王波斯匿。謂族姓子須賴言。是之名服。

u thị Vương Ba-tu-nặc. vị tộc tính tử tu lại ngôn. thị chi danh phục.

Như vậy Vua Ba-tu-nặc nói với con cháu dòng họ Tu Lại rằng: Chính là y áo tốt đẹp vậy.

仁以足踏何置之。對曰大王。是之名服。

nhân dĩ túc đạo hà trí chi. đối viết Đại Vương. thị chi danh phục.

Bậc nhân dùng chân giẫm đạp trên ấy vì sao? Thưa với Đại vương chính là y phục nổi tiếng.

舍衛城中有諸貧窮孤獨可以與之。於是王波斯匿。

Xá-vệ thành trung hữu chư bần cùng cô độc khả dĩ dĩ chi. u thị Vương Ba-tu-nặc.

Trong thành Xá-vệ có nhiều người nghèo cô độc có thể đem cho. Như thế Vua Ba-tu-nặc

勅其左右卿等持衣。往於是舍衛城中。

sắc kỳ tả hữu khanh đẳng trì y. vãng u thị Xá-vệ thành trung.

bảo các vị khanh tướng hầu hạ trong cung đem y áo đi đến trong thành Xá-vệ
有諸貧窮孤獨羸老便以與之。唯然大王。

hữu chư bản cùng cô độc luy lão tiện dĩ dữ chi. duy nhiên Đại Vương.
có các người nghèo cô độc già yếu liền đem ban cho, dạ vâng Đại vương.

國中若干眾人及諸貧窮者。

quốc trung nhược can chúng nhân cập chư bản cùng giả.

Trong nước có bao nhiêu người và các người nghèo ấy

闍王波斯匿以百千價衣若干種色與須賴已。

văn Vương Ba-tu-nặc dĩ bách thiên giá y nhược can chúng sắc dữ tu lại dĩ.

nghe Vua Ba-tu-nặc đem trăm ngàn y áo bao nhiêu màu sắc giá trị cho Tu Lại rồi.

而以惠施城內城外普來集聚。於舍衛城百千億眾生。

nhi dĩ huệ thí thành nội thành ngoại phổ lai tập tụ. ư Xá-vệ thành bách thiên ức
chúng sanh.

mà dùng ân huệ bố thí trong thành ngoài thành đều đến nhóm họp, ở thành Xá-vệ
trăm ngàn ức chúng sanh,

皆適得是百千價服已皆服著之。適服著已善心生焉。

giai thích đắc thị bách thiên giá phục dĩ giai phục trước chi. thích phục trước
dĩ thiện tâm sanh yên.

đều đi đến được trăm ngàn y phục giá trị rồi đều mặc vào, mặc vừa vặn rồi sanh
thiện tâm.

我當以何等報是須賴而為供養。

ngã đương dĩ hà đẳng báo thị tu lại nhi vi cung dưỡng.

Ta sẽ làm thế nào để báo đáp Tu Lại mà vì cúng dường.

承佛威神又須賴所建立。便於空中而現聲言。

thừa Phật uy Thần hựu tu lại sở kiến lập. tiện ư không trung nhi hiện thanh ngôn
Nhờ oai thần của Phật lại nữa Tu Lại chỗ kiến lập ở trên hư không mà hiện nói
lời:

不以香華及塗香。不以甘餚饈。

bất dĩ hương hoa cập đồ hương. bất dĩ cam hào thiện.

Chẳng dùng hương hoa cùng các thứ hương, chẳng dùng các thứ đồ ăn ngon ngọt,

而可以報須賴無過發道意。須賴。不以衣食故。

nhi khả dĩ báo tu lại vô quá phát đạo ý. tu lại. bất dĩ y thực cố.

mà có thể báo đáp Tu Lại chẳng sanh ý đạo? Tu Lại: Không đem thức ăn áo mặc

亦不利供養歎譽名德故。但以度眾生及發道意故。

diệc bất lợi cung dưỡng thán dự danh đức cố. dẫn dĩ độ chúng sanh cập phát đạo ý
cố.

cũng không nên cúng dường khen ngợi công đức chỉ vì độ chúng sanh và phát đạo ý
vậy.

順從彼教者當行道之智。

thuận tòng bỉ giáo giả đương hành đạo chi trí.

Thuận theo kia dạy bảo sẽ là người trí hành đạo.

於是族姓子須賴便從坐起。

ư thị tộc tính tử tu lại tiện tùng tọa khởi.

Như thế con cháu dòng họ Tu Lại liền từ chỗ ngồi đứng dậy

與王波斯匿俱后宮嫪女臣吏大眾人眾圍遶前後。出舍衛城行詣祇樹給孤獨園。

dữ Vương Ba-tu-nặc câu hậu cung 嫪 nữ Thần lại Đại chúng nhân chúng vi nhiều tiền
hậu. xuất Xá-vệ thành hành nghê Kì Thọ Cấp cô độc viên.

cùng với Vua Ba-tu-nặc hội họp, cung phi mỹ nữ, bấy tôi đại chúng mọi người vây
quanh trước sau, ra thành Xá-vệ đi đến vườn Kỳ thọ cấp cô độc.

舍衛大城之中人眾十億國中貧人。

Xá-vệ Đại thành chi trung nhân chúng thập ức quốc trung bản nhân.
Trong đại thành Xá-vệ có đến mười ức người nghèo trong nước,

聞族姓子須賴往見如來。念須賴恩悉皆從行。

văn tộc tính tử tu lại vãng kiến Như Lai. niệm tu lại ân tất giai tông hành.
nghe con cháu dòng họ Tu Lại đến diện kiến Như Lai, nghĩ ân đức Tu Lại thầy đều làm theo.

以佛威神。釋提桓因從舍衛城至給孤獨園。

dĩ Phật uy Thần. thích đề hoàn nhân tông Xá-vệ thành chí Cấp cô độc viên.
Nhờ oai thần của Phật, Thích đề hoàn nhân từ thành Xá-vệ đến vườn Cấp cô độc
於其中間化作場地。

ư kỳ trung gian hóa tác trường địa。

ở trung gian ấy hoá làm sân bãi,

廣普雜娑妙好如切利天。晝度之宮若干校飾。又化若干種寶樹。

quảng phổ tạp 娑 diệu hảo như đao lợi Thiên. trú độ chi cung nhược can giáo
súc. hựu hóa nhược can chủng bảo thụ。

rộng khắp xen lẫn các thứ tốt đẹp như trời Đao lợi. Cung điện ở đây có nhiều thứ
tốt đẹp, lại hoá bao nhiêu các thứ cây báu,

於樹下化作師子座。高妙堅固高千肘。

ư thụ hạ hóa tác Sư tử tọa. cao diệu kiên cố cao thiên trụ。

ở dưới gốc cây hoá làm toà sư tử cao đẹp chắc chắn cao ngàn khuỷu tay.

以若干百千天繪敷其上文繡雜綵。

dĩ nhược can bách thiên Thiên tăng phu kỳ thượng văn tú tạp thái.
đem bao nhiêu trăm ngàn lụa trời các thứ tốt đẹp trải lên trên đó.

阿須倫女首耶之后萬玉女俱而侍衛。

a tu luân nữ thủ da chi hậu vạn ngọc nữ câu nhi thị vệ。

Sau A tu luân nữ, Thủ da hoàng hậu và vạn ngọc nữ đều theo hầu hạ,

皆持天華天香鼓樂絃歌。供養如來師子之座已為供養。

giai trì Thiên hoa Thiên hương cô lạc huyền ca. cung dưỡng Như Lai Sư tử chi tọa
dĩ vi cung dưỡng。

đều đem hoa hương trời cổ nhạc huyền ca cúng dường lên toà sư tử của Như lai.

於是世尊。知眾人已會。

ư thị Thế tôn. tri chúng nhân dĩ hội。

Như vậy Thế Tôn biết mọi người đã hội họp,

與諸菩薩及大弟子。出於祇樹行詣於嚴淨師子座。

dữ chư Bồ-tát cập Đại đệ tử. xuất ư Kỳ Thọ hành nghệ ư nghiêm tịnh Sư tử tọa。

cùng các Bồ-tát và đệ tử lớn ra ở Kỳ thọ đến chỗ toà sư tử nghiêm tịnh,

詣已於師子座結跏趺坐。如來適坐於師子之座。

nghệ dĩ ư Sư tử tọa kết già phu tọa. Như Lai thích tọa ư Sư tử chi tọa。

đến ở toà sư tử rồi kết già phu tọa, Như Lai vừa ngồi ở toà sư tử,

於是三千大千世界六種震動。

ư thị tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chủng chấn động。

như thế tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động,

現十八瑞動而復動而復大動。

hiện thập bát thụy động nhi phục động nhi phục Đại động。

hiện mười tám điềm lành động mà lại lay động mà lại lay động lớn.

於是釋提桓因于瞿或在會中坐。於是瞿或天子。化作六萬座。

ư thị thích đề hoàn nhân tử Cồ hoặc tại hội trung tọa. ư thị Cồ hoặc Thiên
tử. hóa tác lục vạn tọa。

Như thế Thích đề hoàn nhân Tử cù hoặc dang ngồi trong hội, như thế Cù hoặc Thiên tử hoá làm sáu vạn toà,
天之所化。已請諸菩薩使各詣坐。便說偈言。

Thiên chi sở hóa. dĩ thỉnh chư Bồ-tát sử các nghệ tọa. tiện thuyết kệ ngôn.
chỗ hoá của Trời đã mời các vị Bồ-tát khiến tất cả đến ngồi liền nói bài kệ:

唯坐諸淨	士於是坐	座是善本
duy tọa chư tịnh	sĩ ư thị tọa	tọa thị thiện bản
Duy chỗ ngồi tịnh	chỗ các ngài ngồi	tòa là gốc thiện

疾得佛座
tật đắc Phật tọa
là được Phật tòa.

諸菩薩愍瞿或天子故便坐其座。

chư Bồ-tát mẫn Cồ hoặc Thiên tử cố tiện tọa kỳ tọa。

Các Bồ-tát thương xót Cồ hoặc Thiên tử cho nên liền ngồi tòa kia.

於是般若識乾執樂王子。謂日行王女言。

ư thị bát nhã thức kiến chấp lạc Vương tử. vị nhật hành Vương nữ ngôn.

Như thế Bát nhã thức kiến chấp lạc vương tử, bảo Nhật hành vương nữ rằng:

汝往與是五百天樂俱。同音歌歎佛德。

nhữ vãng dĩ thị ngũ bách Thiên nhạc câu. đồng âm ca tán Phật đức.

Ông đi cùng năm trăm thiên nhạc hội họp đồng âm tán tán Phật đức

俱供養世尊師子之座。須賴未來之頃。所以者何。

câu cung dưỡng Thế tôn Sư tử chi tọa. tu lại vị lai chi khoảnh. sở dĩ giả hà.

đều cúng dường Thế Tôn tòa sư tử. Khoảnh khắc Tu Lại chưa đến sở dĩ vì sao?

族姓子須賴。功德巍巍將從眾多。

tộc tính tử tu lại. công đức nguy nguy tướng tòng chúng đa.

Con cháu dòng họ Tu Lại công đức cao lớn và thật là nhiều.

當見如來者則不審。

đương kiến Như Lai giả tắc bất thẩm.

Đang thấy Như Lai ấy thời không suy xét kỹ,

汝等於是日行王女般若識乾執樂王子之后。

nhữ đẳng ư thị nhật hành Vương nữ bát nhã thức kiến chấp lạc Vương tử chi hậu.

đó là những người như Nhật Hành Vương Nữ, Bát Nhã Thức Kiến, Chấp Lạc Vương tử,

作五百樂往詣如來已皆稽首佛足。手執樂器。皆同一音歎世尊德。

tác ngũ bách lạc vãng nghê Như Lai dĩ giai kê thủ Phật túc. thủ chấp lạc

khí. giai đồng nhất âm tán Thế tôn đức.

trở năm trăm thứ nhạc đến chỗ Như Lai rồi đều đánh lễ dưới chân Phật, tay cầm nhạc khí đều cùng thổi lên khen ngợi đức của Thế Tôn

而歌頌曰。世尊往古百劫修閑居行。

nhị ca tụng viết. Thế tôn vãng cổ bách kiếp tu nhàn cư hành.

mà ca tụng rằng: Thế Tôn trăm kiếp từ xưa tu hành, ở nơi thanh nhàn,

世尊普調眾生使樂布施。世尊身口及心樂持淨戒。

Thế tôn phổ điều chúng sanh sử lạc bố thí. Thế tôn thân khẩu cập tâm lạc trì tịnh giới.

Thế Tôn điều khắp chúng sanh khiến ưa bố thí, Thế Tôn thân khẩu và tâm ưa trì tịnh giới,

願禮體如須彌山。世尊忍慈固不勞。

nguyện lễ thể như Tu Di sơn. Thế tôn nhẫn từ cố bất lao.

nguyện lễ thân như núi tu di. Thế Tôn nhẫn từ bền chắc chẳng mệt mỏi.

世尊精進堅力如樹。世尊神慧之光無所不作。

Thế tôn tinh tấn kiên lực như thụ. Thế tôn Thần tuệ chi Quang vô sở bất tác.

Thế Tôn tinh tấn sức mạnh như cây. Thế Tôn ánh sáng của thần huệ không chỗ không làm,

願禮三垢無垢。世尊已勝貪婬瞋恚愚癡之垢。

nguyện lễ tam cấu vô cấu. Thế tôn dĩ thắng tham dâm sân khuê ngu si chi cấu.
nguyện lễ tam cấu vô cấu. Thế Tôn đã thắng ô uế của tham dâm, sân nhuế, ngu si.
世尊所作已辦願禮三界所應供養。

Thế tôn sở tác dĩ biện nguyện lễ tam giới sở ứng cung dưỡng.

Thế Tôn đã làm xong lập nguyện lễ tam giới chỗ nên cúng dường.

此諸垢污魔女。自如來見已。以無垢目心得安隱。

thử chư cấu ô ma nữ. tự Như Lai kiến dĩ. dĩ vô cấu mục tâm đắc an ổn.

Các ma nữ như uest này, chính tự Như Lai thấy rồi, vì mắt không như bản tâm được an vui,

成就佛念捨離於欲。不復觸近於欲。

thành tựu Phật niệm xả ly ư dục. bất phục xúc cận ư dục.

thành tựu Phật niệm xa lìa ở dục, chẳng muốn gần gũi ở dục,

樂聞於如來除心之垢。

lạc văn ư Như Lai trừ tâm chi cấu.

muốn hỏi Như Lai trừ tâm như uest,

莫使有勞垢意者歡悅眾生意。願禮彼足訓世二百相勝。

mạc sử hữu lao cấu ý giả hoan duyệt chúng sanh ý. nguyện lễ bi túc huấn thế nhị bách tướng thắng.

chẳng khiến có mệt nhọc ý như uest ấy vui mừng đẹp lòng chúng sanh. Nguyện lễ chân Ngài, dạy bảo ở đời hơn hai trăm tướng.

瓔珞百福功德滿。善音於眾生所往淨。

anh lạc bách phúc công đức mãn. Thiện Âm ư chúng sanh sở vãng tịnh.

Chuỗi ngọc trăm phúc công đức đầy đủ, tiếng tốt ở chúng sanh chỗ hướng tới tịnh.

願禮無比神難及神天金軟足。行步師子之雲。

nguyện lễ vô bì Thần nan cập Thần Thiên kim nhuyễn túc. hành bộ Sư tử chi vân.

nguyện lễ vô tỷ thần nạn cùng thần thiên kim mềm đủ, như sư tử lướt bộ trên mây,

與所往行化因釋胎生。今所歎德百福滿。

dữ sở vãng hành hóa nhân thích thai sanh. kim sở tán đức bách phúc mãn.

cùng chỗ đi đến hoá nhân giải thích thai sanh. Nay chỗ tán đức trăm phúc đầy đủ,

願使眾生心普悅無疲倦。所歎勝之德願令疾得歎是者。

nguyện sử chúng sanh tâm phổ duyệt vô bì quuyền. sở tán thắng chi đức nguyện

linh tật đắc tán thị giả.

nguyện khiến chúng sanh tâm khắp vui vẻ không có mệt mỏi, đức của chỗ tán tán thù thắng nguyện khiến mau được tán tán đúng ấy.

於是族姓子須賴。與王波斯匿及王後宮。

ư thị tộc tính tử tu lại. dữ Vương Ba-tu-nặc cập Vương hậu cung.

Như thế con cháu dòng họ Tu Lại cùng Vua Ba-tu-nặc và vương hậu cung,

與諸大眾眷屬圍遶。諸天百千之所歌歎。

dữ chư Đại chúng quuyền chúc vi nhiểu. chư Thiên bách thiên chi sở ca tán.

cùng các đại chúng quuyền thuộc vây quanh, chỗ ca ngợi tán tán của trăm ngàn chư thiên,

行詣世尊已。稽首世尊足於一面住。王波斯匿。

hành nghê Thế tôn dĩ. kê thủ Thế tôn túc ư nhất diện trụ. Vương Ba-tu-nặc.

đến chỗ Thế Tôn rồi cúi đầu đánh lễ dưới chân đứng về một bên, Vua Ba-tu-nặc

稽首如來足各繞三匝於一面住。

khê thủ Như Lai túc các nhiểu tam táp ư nhất diện trụ.

đánh lễ dưới chân Như Lai tất cả nhiễu quanh ba vòng đứng về một bên.

於是王波斯匿。以其仁座而讓須賴而說此言。

ư thị Vương Ba-tu-nặc. dĩ kỳ nhân tọa nhi nhượng tu lại nhi thuyết thử ngôn.
Như thế Vua Ba-tu-nặc đem nhân toà kia mà nhường Tu Lại nói lời thế này:

唯族姓子。垂恩矜愍坐此仁座。

duy tộc tính tử. thù ân cặng mẫn tọa thử nhân tọa.

Chỉ có con cháu dòng họ ban ơn thương xót ngồi nhân toà đây.

須賴便坐於彼仁座。於是眾中。有諸天子未見須賴者。

tu lại tiện tọa ư bỉ nhân tọa. ư thị chúng trung. hữu chư Thiên tử vị kiến tu lại giả.

Tu Lại liền ngồi ở nhân toà kia, trong chúng như thế có các Thiên tử chưa thấy Tu Lại ấy.

見是貧人有何功德為王見敬乃如是耶。

kiến thị bần nhân hữu hà công đức vi Vương kiến kính nãi như thị da.

Thấy người nghèo ấy có công đức gì làm Vua thấy cung kính đến nỗi như thế?

於是釋提桓因知諸天子意。謂諸天子言。

ư thị thích đề hoàn nhân tri chư Thiên tử ý. vị chư Thiên tử ngôn.

Như thế Thích đề hoàn nhơn biết ý các Thiên tử nói với các Thiên tử rằng:

莫起慢意於是仁者。而令諸仁功德損減長夜不安。

mạc khởi mạn ý ư thị nhân giả. nhi linh chư nhân công đức tổn giảm trường dạ bất an.

Chớ khởi ý kiêu mạn ở bậc nhân ấy mà khiến các nhân công đức tổn giảm đêm dài không yên.

所以者何。我其審諦是族姓子大功德善法充滿。

sở dĩ giả hà. ngã kỳ thâm đế thị tộc tính tử Đại công đức thiện Pháp sung mãn.

Sở dĩ vì sao? Ta xét rõ kia chính là con cháu dòng họ công đức to lớn đầy đủ thiện pháp.

又諸天子且待須臾。觀其功德善法具足。

hựu chư Thiên tử thị đãi đái tu du. quán kỳ công đức thiện Pháp cụ túc.

Lại các Thiên tử đợi trong chốc lát, xem công đức kia đầy đủ thiện pháp.

於是族姓子須賴。欲悅諸天子意。便白佛言。

ư thị tộc tính tử tu lại. dục duyệt chư Thiên tử ý. tiện bạch Phật ngôn.

Như thế con cháu dòng họ Tu Lại, muốn làm vui lòng ý các Thiên tử liền bạch Phật rằng:

唯然世尊。現說菩薩大士濟度眾生之嚴好。

duy nhiên Thế tôn. hiện thuyết Bồ-tát Đại sĩ tế độ chúng sanh chi nghiêm hảo.

Duy nhiên Thế Tôn hiện nói sự nghiêm đẹp của Bồ-tát đại sĩ cứu độ chúng sanh.

智之嚴好。示現嚴好。具足充滿。

trí chi nghiêm hảo.

thị hiện nghiêm hảo.

cụ túc sung mãn.

Nghiêm đẹp của trí

Thị hiện nghiêm đẹp

Đầy đủ sung mãn

疾成無上正真之道。是時世尊。

tật thành vô thượng chánh chân chi đạo. thị thời Thế tôn.

mau thành đạo chánh chơn vô thượng. Lúc bấy giờ Thế Tôn

以如是像放身光明照須賴身。適觸身已。族姓子須賴蒙佛光明。

dĩ như thị tượng phóng thân Quang minh chiếu tu lại thân. thích xúc thân dĩ. tộc tính tử tu lại mông Phật Quang minh.

dùng tượng như thế phóng thân Quang minh chiếu thân Tu Lại, vừa chạm thân rồi con cháu dòng họ Tu Lại nhờ ánh sáng của Phật.

是時須賴身逾釋提桓因數千萬倍。

thị thời tu lại thân du thích đề hoàn nhân số thiên vạn bội.

Lúc ấy thân Tu Lại vượt qua Thích đề hoàn nhân gấp vài ngàn vạn.

須賴之身殊好如是。於是諸天子見須賴身殊好如是。

tu lại chi thân xu hảo như thị. u thị chu Thiên tử kiến tu lại thân xu hảo như thị.

Thân của Tu Lại tốt đẹp như thế. Lúc ấy các Thiên tử thấy thân Tu Lại tốt đẹp như thế

甚大歡喜便禮須賴。而以天華散敬其上。

thậm Đại hoan hi tiện lễ tu lại. nhi dĩ Thiên hoa tán kính kỳ thượng.

rất đại vui mừng liền lễ Tu Lại mà đem hoa trời rải lên trên kia.

於是世尊。告族姓子須賴言。

ư thị Thế tôn. cáo tộc tính tử tu lại ngôn.

Như thị Thế Tôn bảo con cháu dòng họ Tu Lại rằng:

菩薩處貴而現卑賤欲度人故。是則名曰智之嚴淨。

Bồ-tát xử quý nhi hiện ti tiện dục độ nhân cố. thị tắc danh viết trí chi nghiêm tịnh.

Bồ-tát ở chỗ sang trọng mà hiện thân thấp hèn muốn độ người vậy, thế thời gọi rằng nghiêm tịnh của trí.

而以威儀悅可眾生。可眾生已便現其行久現神通。

nhi dĩ uy nghi duyệt khả chúng sanh. khả chúng sanh dĩ tiện hiện kỳ hành cửu

hiện Thần thông.

bèn dùng oai nghi đẹp lòng chúng sanh. Có thể chúng sanh liền hiện hạnh kia lâu hiện thần thông,

是智嚴淨。又族姓子。

thị Trí Nghiêm tịnh. hựu tộc tính tử.

là trí nghiêm tịnh, lại nữa con cháu dòng họ

菩薩大士意得自在示現極貧。為諸梵志諸人所敬。是為嚴淨。

Bồ-tát Đại sĩ ý đắc tự tại thị hiện cực bần. vi chư phạm chí chu nhân sở

kính. thị vi nghiêm tịnh.

Bồ-tát đại sĩ ý được tự tại thị hiện rất nghèo, làm các Phạm chí cùng với mọi người đều rất cung kính chính là nghiêm tịnh.

又族姓子。若其菩薩示現下貧感厲外學。

hựu tộc tính tử. nhược kỳ Bồ-tát thị hiện hạ bần cảm lệ ngoại học.

Lại nữa con cháu dòng họ, hoặc Bồ-tát kia thị hiện người nghèo cảm hoá ngoại học,

除其貪意現處大業。

trừ kỳ tham ý hiện xử Đại nghiệp.

trừ ý tham kia hiện nơi đại nghiệp.

又現捨家欲以導示厭家眾生故。是為嚴淨是為須賴。

hựu hiện xả gia dục dĩ đạo kì yếm gia chúng sanh cố. thị vi nghiêm tịnh thị vi tu lại.

Lại hiện xả nhà, muốn đem đạo chỉ bày nhằm chán nhà chúng sanh vậy, chính là nghiêm tịnh đó là Tu Lại.

是菩薩淨於眾生智慧嚴淨精進嚴淨之具足也。

thị Bồ-tát tịnh ư chúng sanh trí tuệ nghiêm tịnh tinh tấn nghiêm tịnh chi cụ túc dã.

Chính là Bồ-tát tịnh ở chúng sanh trí huệ nghiêm tịnh tinh tấn nghiêm tịnh đầy đủ vậy.

疾成無上正真之道。於是阿難。白世尊言。是族姓子。

tật thành vô thượng chánh chân đường. ở thị A-nan. bạch Thế Tôn lời. thị loài họ con.

mau thành đạo chánh chơn vô thượng. Như thế A-nan bạch Thế Tôn rằng: Là con cháu dòng họ

發行已來久遠。

phát hành dĩ lai cừ viễn。

phát hành từ xưa đến nay.

云何而為如來所光飾乃如是乎。於是世尊。告阿難言。是族姓子阿難。

vân hà nhi vi Như Lai sở Quang sức nãi như thị hồ。ư thị Thế tôn。 cáo A-nan ngôn。 thị tộc tính tử A-nan。

Vì sao mà do ánh sáng Như Lai trang sức chính như thế ư? Lúc đó Thế Tôn bảo A-nan rằng: Là con cháu dòng họ A-nan,

往世具足多供養諸佛數億百千。

vãng thế cụ túc đa cung dưỡng chư Phật số ức bách thiên。

Đời trước đầy đủ cúng dường chư Phật hơn nhiều vài ức trăm ngàn。

行諸度無極所行之行。而以神通用為娛樂。

hành chư độ vô cực sở hạnh chi hành。 nhi dĩ Thần thông dụng vi ngu lạc。

làm nhiều lần không cùng tận, việc cần làm đã làm, mà đem thần thông dùng làm vui thích。

已得三忍已得應辯。以方便善度眾生故示現極貧。

dĩ đắc tam nhẫn dĩ đắc ứng biện。 dĩ phương tiện thiện độ chúng sanh cố thị hiện cực bần。

Đã được ba nhẫn đã được ứng từ, dùng phương tiện khéo cứu độ chúng sanh thị hiện rất nghèo。

於是阿難白世尊言。族姓子須賴。

ư thị A-nan bạch Thế tôn ngôn。 tộc tính tử tu lại。

Như thế A-nan bạch đức Thế Tôn rằng: Con cháu dòng họ Tu Lại,

示現貧行以度眾生其數幾如。世尊告曰阿難。

thị hiện bần hành dĩ độ chúng sanh kỳ số ki nhu。 Thế tôn cáo viết A-nan。

thị hiện nghèo nàn để cứu độ chúng sanh số kia bao nhiêu? Thế Tôn bảo A-nan rằng:

欲天七千色天萬二千。皆發無上正真道意。

dục Thiên thất thiên sắc Thiên vạn nhị thiên。 giai phát vô thượng chánh chân đạo ý。

Chư thiên Dục giới có bảy ngàn, sắc giới một vạn hai ngàn đều phát đạo ý chánh chơn vô thượng。

度世人無數發道意者及生善處。

độ thế nhân vô số phát đạo ý giả cập sanh thiện xứ。

Độ người đời vô số đã phát đạo ý và sanh thiện xứ。

又問久如當成無上正真之道。得道之時名號云何。

hựu vấn cừ như đương thành vô thượng chánh chân chi đạo。 đắc đạo chi thời danh hiệu vân hà。

Lại hỏi bao lâu nữa sẽ thành đạo chánh chơn vô thượng? khi được đắc đạo danh hiệu thế nào?

其佛世界嚴淨何類。於是世尊。

kỳ Phật thế giới nghiêm tịnh hà loại。 ư thị Thế tôn。

Thế giới Phật kia nghiêm tịnh thế nào? Bây giờ Thế Tôn,

欲歎族姓子須賴國土嚴淨。便說偈言。

dục thán tộc tính tử tu lại quốc thổ nghiêm tịnh。 tiện thuyết kệ ngôn。

muốn khen ngợi con cháu dòng họ Tu Lại cõi nước nghiêm tịnh liền nói kệ rằng:

阿難聽我稱

A-nan thính ngã xưng

諸世之將導

Chư thế chi tướng đạo

A-nan nghe ta xưng
以成眾生故
Dĩ thành chúng sanh cố
Do thành chúng sanh vậy
發於行大乘
Phát ư hành Đại thừa
Phát ở hạnh đại thừa
從始初發意
Tòng thủy sơ phát ý
Từ ban đầu phát ý
奉事於諸佛
Phụng sự ư chư Phật
Phụng sự ở chư Phật
為諸法之長
Vi chư Pháp chi trường
Vì các pháp lâu dài
智所往往行
trí sở vãng vãng hành
Chỗ trí thường qua lại
神通自娛樂
Thần thông tự ngu lạc
Thần thông tự vui thích
善學方便善
Thiện học phương tiện thiện
Thiện học phương tiện khéo
明審於佛法
minh thẩm ư Phật Pháp
Sáng rõ ở Phật pháp
知眾生之本
Tri chúng sanh chi bản
Biết gốc của chúng sanh
以意智所行
Dĩ ý trí sở hạnh
Dùng ý trí sở hạnh
已得應機辯
Dĩ đắc ứng kỳ biện
Đã được ứng cơ rõ
已度於魔鉤
Dĩ độ ư ma câu
Đã độ ở ma câu
堅住而不動
Kiên trụ nhi bất động
Chắc vững không lay động
度世之八法
Độ thế chi bát Pháp
Tám pháp để độ đời
無所於諸法
Vô sở ư chư Pháp
Không chỗ ở các pháp
喻如虛空性
Dụ như hư không tánh
Dụ như tánh hư không
無有疲厭意
Vô hữu bì yếm ý

Tướng đạo của các đời
高廣弘普稱
Cao quảng hoàng phổ xưng
Cao rộng lớn khắp xưng.
其劫無限數
Kỳ kiếp vô hạn số
Kiếp kia không số hạn
行善行以來
Hành thiện hành dĩ lai
Hành thiện hạnh đến nay
及其所供養
Cấp kỳ sở cung dưỡng
Và ở đó cúng dưỡng
常擁護之故
Thường ủng hộ chi cố
Thường ủng hộ như vậy
於諸度無極
Ư chư độ vô cực
Ở các độ vô cực
長夜行四等
Trường dạ hành tứ đẳng
Đêm dài hành tứ đẳng.
其見生死穢
Kỳ kiến sanh tử uế
Kia thấy sanh tử uế
善學相純淑
Thiện học tướng thuần thực
Khéo học tướng thuần khiết
隨本度脫之
Tùy bản độ thoát chi
Tùy đó cứu độ thoát
住於甚清淨
Trụ ư thậm thanh tịnh
Ở nơi rất thanh tịnh
住於諸總持
Trụ ư chư tổng trì
Ở nơi các tổng trì
諸佛之威儀
Chư Phật chi uy nghi
Oai nghi của chư Phật
無所污染著
Vô sở ô nhiễm trước
Không chỗ dính ô nhiễm
利衰現總持
Lợi suy hiện tổng trì
Lợi suy hiện tổng trì
不遠亦不近
Bất viễn diệc bất cận
Không xa cũng chẳng gần
其心無所著
Kỳ tâm vô sở trước
Tâm kia không đắm trước
常行大悲心
Thường hành Đại bi tâm

Không có ý nhằm chán
堅固住總持
Kiên cố trụ tổng trì
Chắc chắn ở tổng trì
如於己之慈
Nhu ư kỷ chi từ
Nhu lòng từ thương mình
終不懷嫌恨
Chung bất hoài hiềm hận
Trọn không hoài ôm hận
如其所應受
Nhu kỳ sở ứng thọ
Nhu kia chỗ nên thọ
口言行無違
Khẩu ngôn hành vô vi
Miệng nói làm không trái
如其解脫相
Nhu kỳ giải thoát tướng
Nhu cái tướng giải thoát
三忍具足得
Tam nhẫn cụ túc đắc
Ba nhẫn được đầy đủ
諸佛之所行
Chư Phật chi sở hạnh
Chỗ hành của chư Phật
於諸土行行
Ư chư độ hành hành
Đi làm ở các cõi
彼方則不定
Bỉ phương tắc bất định
Phương kia thời chẳng định
須賴所行處
Tu lại sở hạnh xứ
Tu Lại chỗ đi ở
敬亦當如是
kính diệc đương như thị
Cung kính cũng sẽ thế
我滅度之後
Ngã diệt độ chi hậu
Sau khi ta diệt độ
須賴於行彼
Tu lại ư hành bỉ
Tu Lại ở đó làm
其土名妙樂
kỳ độ danh diệu lạc
Cõi kia tên Diệu Lạc
當從彼來還
Đương tông bỉ lai hoàn
Sẽ theo kia trở lại
於其數不減
Ư kỳ số bất giảm
Ở số ấy không giảm
續當勤行道
Tục đương tinh cần hành đạo

Thường hành tâm đại bi
以被慈德鎧
Đĩ bị từ đức khai
Dùng áo giáp từ đức
於眾生所然
Ư chúng sanh sở nhiên
Ở chúng sanh cũng thế
犯者不校問
Phạm giả bất giáo vấn
Người phạm không trách cứ
迎待而不避
Nghênh đãi nhi bất tị
Đón đợi không xa lánh
諸法普學法
Chư Pháp phổ học Pháp
Các pháp khắp học pháp
二法俱解脫
Nhị Pháp câu giải thoát
Hai pháp đều giải thoát
於行無所起
Ư hành vô sở khởi
Ở hành không chỗ khởi
威儀善建立
Uy nghi thiện kiến lập
Oai nghi khéo thành lập
多饒益眾生
Đa nhiều ích chúng sanh
Nhiều lợi ích chúng sanh
而無有如來
Nhi vô hữu Như Lai
Mà không có Như Lai
如供養世尊
Nhu cung dưỡng Thế tôn
Nhu cúng dường Thế Tôn
諸天及世人
Chư Thiên cập thế nhân
Chư thiên cùng người đời
後世法盡時
Hậu thế Pháp tận thời
Đời sau khi pháp diệt
東方之世界
Đông phương chi thế giới
Thế giới của phương đông
如來名無怒
Nhu Lai danh Vô nộ
Nhu Lai hiệu Vô Nộ
餘三阿僧祇
Dư tam a tăng kì
Hơn ba a tăng kỳ
於是已之後
Ư thị dĩ chi hậu
Nhu thế sau khi xong
當嚴淨國土
Đương nghiêm tịnh quốc thổ

Tiếp sẽ siêng hành đạo
欲度眾生故
Dục độ chúng sanh cố
Muốn độ chúng sanh vậy
當成其勝道
Đương thành kỳ thắng đạo
Sẽ thành đạo hơn kia
土如阿闍佛
Độ như A súc Phật
Cõi như Phật A súc
世界名善化
Thế giới danh thiện hóa
Thế giới tên Thiện hoá
安住壽萬歲
An trú thọ vạn tuế
An trú sống vạn tuổi
僧數喻無限
tăng số dụ vô hạn
Tăng chúng số không hạn
求大乘無限
Cầu Đại thừa vô hạn
Cầu Đại thừa không hạn
凡夫愚闇垢
Phàm phu ngu ám cấu
Phàm phu ngu tối nhờ
彼當普令稱
Bỉ đương phổ linh xưng
Kia sẽ khắp khiến xưng
彼無魔牽連
Bỉ vô ma khiên liên
Kia không ma dẫn liên
導世滅度後
Đạo thế diệt độ hậu
Đạo sư sau khi diệt
八萬四千歲
Bát vạn tứ thiên tuế
Tám vạn bốn ngàn năm
須賴所化眾
Tu lại sở hóa chúng
Tu Lại chỗ hoá chúng
一切當生彼
Nhất thiết đương sanh bỉ
Tất cả sẽ sanh kia
當為族姓子須賴解說決時。

đương vì tộc tính tử tu lại giải thuyết quyết thời。

Ấy sẽ vì con cháu dòng họ Tu Lại hiểu rõ đúng thời。

一切眾會各各以衣覆須賴上。

nhất thiết chúng hội các các dĩ y phục tu lại thượng。

Tất cả chúng hội mỗi mỗi đem y dâng lên Tu Lại。

勸助之聲三千大千世界莫不普知。以其勸助之聲。

khuyến trợ chi thanh tam Thiên Đại Thiên thế giới mạc bất phổ tri。 dĩ kỳ khuyến trợ chi thanh。

Sẽ nghiêm tịnh cõi nước
彼於是劫後
Bỉ ư thị kiếp hậu
Kia kiếp sau như thế
號光世音王
Hiệu Quang thế âm Vương
Hiệu Quang thế âm vương
如來之世界
Như Lai chi thế giới
Thế giới của Như Lai
眾德悉備具
Chúng đức tất bị cụ
Chúng đức đều đầy đủ
處於世教化
Xử ư thế giáo hóa
Ở nơi đời giáo hoá
少發小乘者
thiểu phát Tiểu thừa giả
Ít người phát tiểu thừa
普知神通力
Phổ tri Thần thông lực
Khắp biết thần thông lực
善化普清淨
Thiện hóa phổ thanh tịnh
Khéo hoá khắp thanh tịnh
一法化教誨
Nhất Pháp hóa giáo hối
Một pháp hoá dạy bảo
普等清淨智
Phổ đẳng thanh tịnh trí
Đều khắp thanh tịnh trí
正法住於
Chánh Pháp trụ ư thế
Chánh pháp trụ ở đời
法慧不隱藏
Pháp tuệ bất ẩn tàng
Pháp huệ chẳng che dấu
承奉道高行
Thừa phụng đạo cao hành
Vâng giữ đạo hạnh cao
除置漏盡者
Trừ trí lậu tận giả
Trừ thẳng lậu tận ấy

Tiếng của khuyển giúp lên tận tam thiên đại thiên thể giới chẳng nơi nào là không biết.

無量無數諸天龍鬼乾沓和阿須倫迦留羅真陀羅摩休勒人及非
vô lượng vô số chư Thiên long quỷ kiền đạp hòa a tu luân ca luu la chân Đà la ma
huu lạc nhân cập phi

Vô số vô lượng chư thiên, rồng, quỷ kiền-đạp, a-tu-luân, ca-luu-la, chon-đà-la,
ma-huu-lạc, nhân và phi nhân.

人。應聲皆至聚會而坐。供養族姓子須賴。

nhân. ứng thanh giai chí tụ hội nhi tọa. cung dưỡng tộc tính tử tu lại.
nghe tiếng đều đến nhóm họp mà ngồi, cúng dường con cháu dòng họ Tu Lại,
世尊亦為是等。以是法化因緣種種說法。

Thế tôn diệc vi thị đẳng. dĩ thị Pháp hóa nhân duyên chủng chủng thuyết Pháp.
Thế Tôn cũng như vậy. Dùng giáo pháp, hoá các nhân duyên để thuyết pháp,
皆令諦解於三乘行。於是王波斯匿。住世尊前。

giai linh để giải u tam thừa hành. u thị Vương Ba-tu-nặc. trụ Thế tôn tiền.
đều khiến hiểu rõ ở hạnh tam thừa. Như thế Vua Ba-tu-nặc đứng trước Thế Tôn
叉手白世尊。我狂醉王位。狂醉財業。

xoa thủ bạch Thế tôn. ngã cuồng túy Vương vị. cuồng túy tài nghiệp.

chấp tay bạch đức Thế Tôn: Con say mê ngôi vua, mê say tài nghiệp,

狂醉榮貴。狂醉庫藏金銀倉穀。慳貪無厭。

cuồng túy vinh quý. cuồng túy khổ tạng kim ngân thương cốc. khan tham vô yếm.
đắm say sự vinh hoa phú quý, đắm say kho tàng vàng, bạc, lúa, gạo, ham muốn
không nhàm chán.

逼迫眾生以為國財。如我世尊。

bức bách chúng sanh dĩ vi quốc tài. như ngã Thế tôn.

Thúc ép chúng sanh lấy làm của nước. Thế Tôn, con nay

世世以如是像處位施行之法化。皆從族姓子須賴聞已。

thế thế dĩ như thị tượng xử vị thí hành chi Pháp hóa. giai tông tộc tính tử tu
lại văn dĩ.

đời đời như pháp giáo hóa thực hành bố thí ở khắp nhiều nơi, đều theo con cháu
dòng họ Tu Lại nghe xong.

我為極貧須賴所決。今於世尊前捨置於國。

ngã vi cực bần tu lại sở quyết. kim u Thế tôn tiền xả trí u quốc.

Ta là người nghèo như Tu Lại quyết. Nay đối trước Thế Tôn rời bỏ việc nước,

以琉璃太子立為王子。當奉戒當許身。

dĩ lưu ly Thái Tử lập vi Vương tử. đương phụng giới đương hứa thân.

đem Thái tử Lưu ly lập làm Vương tử sẽ trì giới sẽ độ thân.

為世尊及諸眾僧守園給使。所有財寶當為三分。

vi Thế tôn cập chư chúng tăng thủ viên cấp sử. sở hữu tài bảo đương vi tam phân

Vì Thế Tôn và các chúng tăng giữ vườn cấp cho tài bảo sở hữu sẽ làm ba phần:

一分於佛前奉上眾僧。二分與諸貧窮孤獨。

nhất phân u Phật tiền phụng thượng chúng tăng. nhị phân dĩ chư bần cùng cô độc.

Một phần ở trước Phật dâng cúng tăng chúng, phần hai cho các người nghèo cô độc,

三分以為王事之儲。誰復世尊。

tam phân dĩ vi Vương sự chi trừ. thùy phục Thế tôn.

phần ba dùng làm cất giữ của việc Vua, ai không đến Thế Tôn

聞如是像法處位教化。當有意著於財業者也。

văn như thị tượng Pháp xử vị giáo hóa. đương hữu ý trước u tài nghiệp giả dã.

nghe giáo hoá tượng pháp như thế sẽ có ý đắm trước ở tài nghiệp ấy vậy.

為愚癡惡友所攝持者乃有著意。

vi ngu si ác hữu sở nhiếp trì giả nãi hữu trước ý.
Vì bạn xấu ngu si nhiếp trì ấy mới có ý đả trước.

我以是所作善本惠施眾生。願發無上正真道意。

ngã dĩ thị sở tác thiện bản huệ thí chúng sanh. nguyện phát vô thượng chánh chân đạo ý.

Ta do vậy chớ làm thiện bản nhân ái bố thí chúng sanh, nguyện phát đạo ý chánh chơn vô thượng.

於是會中五百長者五百居士五百梵志五百臣吏。

ư thị hội trung ngũ bách Trưởng Giả ngũ bách Cư sĩ ngũ bách Phạm chí ngũ bách Thân lại.

Như thế trong hội năm trăm trưởng giả, năm trăm cư sĩ, năm trăm Phạm chí, năm trăm bầy tôi,

聞王波斯匿作如是像師子之吼。皆發無上正真道意。

văn Vương Ba-tu-nặc tác như thị tượng Sư tử chi hống. giai phát vô thượng chánh chân đạo ý.

nghe Vua Ba-tu-nặc rống tiếng giống như sư tử như thế đều phát đạo ý chánh chơn vô thượng.

捨家財業。欲於世尊之化捨家入道。

xả gia tài nghiệp. dục ư Thế tôn chi hóa xả gia nhập đạo.

Lìa bỏ gia tài sự nghiệp, muốn ở nơi sự hoá độ của Thế Tôn xả nhà vào đạo,

會中三百人。其餘皆現為比丘僧。已除鬚髮服袈裟。

hội trung tam bách nhân. kỳ dư giai hiện vi i khâu tăng. dĩ trừ tu phát phục trước ca sa.

trong hội ba trăm người, ngoài ra đều hiện làm tỷ kheo tăng cạo bỏ râu tóc mặc áo ca sa.

於是族姓子須賴。

ư thị tộc tính tử tu lại.

Như thế con cháu dòng họ Tu Lại

即從坐起更整衣服右膝著地。向世尊叉手白佛言。

tức tùng tọa khởi canh chỉnh y phục hữu tất trước địa. hướng Thế tôn xoa thủ bạch Phật ngôn.

liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa sang y phục gối phải sát đất hướng về Thế Tôn chấp tay bạch Phật rằng:

願從世尊及十方現在諸佛受捨於家。於是族姓子須賴。

nguyện tùng Thế tôn cập thập phương hiện tại chư Phật thọ xả ư gia. ư thị tộc tính tử tu lại.

Nguyện theo Thế Tôn và mười phương hiện tại chư Phật chịu bỏ nhà cửa. Như thế con cháu dòng họ Tu Lại

稽首十方諸佛世尊而發願言。

kê thủ thập phương chư Phật Thế tôn nhi phát nguyện ngôn.

đảnh lễ mười phương chư Phật Thế Tôn mà phát nguyện rằng:

諸佛世尊聽許入道。於是諸佛各伸右掌。摩須賴頭適觸其頭。

chư Phật Thế tôn thỉnh hứa nhập đạo. ư thị chư Phật các thân hữu chưởng. ma tu lại đầu thích xúc kỳ đầu.

Chư Phật Thế Tôn hứa cho vào đạo, như thế chư Phật đều duỗi tay phải xoa đầu Tu Lại, vừa chạm đầu kia

鬚髮皆墮法衣著身威儀安庠。

tu phát giai đọa Pháp y trước thân uy nghi an tường.

râu tóc đều rụng pháp y trên thân oai nghi nhẹ nhàng.

於是三千大千世界六反震動。

ư thị tam Thiên Đại Thiên thế giới lục phân chân động.
như thế tam thiên đại thiên thế giới lục lần chân động,
放大光明普照十方雨於天花。是諸佛臂皆不相障。
phóng Đại Quang minh phổ chiếu thập phương vũ ư Thiên hoa. thị chu Phật tý giai
bất tướng chướng.
phóng ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương mưa xuống hoa trời.
世尊釋迦文伸金色臂摩須賴頭。彼諸發道意者見是現化。
Thế tôn Thích Ca văn thân kim sắc tý ma tu lại đầu. bi chu phát đạo ý giả kiến
thị hiện hóa.
**Thích ca văn Thế Tôn duỗi cánh tay vàng xoa đầu Tu Lại, các người phát đạo ý kia
thấy hiện hoá đó**
是輩皆當為諸佛之所授決。當說是法。
thị bối giai đương vi chu Phật chi sở thụ quyết. đương thuyết thị Pháp.
các bậc đều sẽ làm chỗ thọ quyết của chu Phật sẽ nói pháp ấy.
時五百比丘發弟子乘皆得無著。
thời ngũ bách bi khâu phát đệ tử thừa giai đắc Vô trước.
Thời năm trăm tỷ kheo phát đệ tử thừa đều được vô trước.
滿千菩薩皆得不起法忍。爾時世尊。告長老阿難言。
mãn thiên Bồ-tát giai đắc bất khởi Pháp nhẫn. nhĩ thời Thế tôn. cáo Trưởng Lão
A-nan ngôn.
**đầy đủ ngàn vị Bồ-tát được pháp khởi bất nhẫn. Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo trưởng
già A-nan rằng:**
受是法化奉持誦說。周滿敷演廣大眾生。所以者何。
thọ thị Pháp hóa phụng trì tụng thuyết. châu mãn phu diễn quảng Đại chúng
sinh. sở dĩ giả hà.
**Nhận lấy pháp hoá phụng trì tụng nói diễn bày đầy đủ cùng khắp chúng sanh rộng
lớn sở dĩ vì sao?**
是五濁世。眾生濁。勞垢濁。壽命濁。邪見濁。
thị ngũ trước thế. chúng sanh trước. lao cấu trước. tà kiến trước
**Chính là đời ngũ trước: Chúng sanh như uest, thế gian như uest, mạng sống ngắn ngủi,
nhận thức sai lầm,**
時劫濁。佛興世非是其時。
thời kiếp trước. Phật hưng thế phi thị kỳ thời.
thời kiếp như uest, Phật hưng thịnh ở đời chẳng phải thời ấy ư?
欲度此等故使須賴示現極貧。所以者何。
dục độ thử đẳng cố sử tu lại thị hiện cực bần. sở dĩ giả hà.
Muốn độ những người đây cho nên khiến Tu Lại thị hiện rất nghèo sở dĩ vì sao?
我不以如此忍界之儀。而示現一人不度也。以是故阿難。
ngã bất dĩ như thử nhẫn giới chi nghi. nhi thị hiện nhất nhân bất độ dã. dĩ thị
cố A-nan.
**Ta chẳng giống như hình dáng của cõi nhẫn này, mà thị hiện một người chẳng độ
vậy, do vì thế A-nan!**
當現是法布示眾生。此眾生等當信是法當從解脫。
đương hiện thị Pháp bố kì chúng sanh. thử chúng sanh đẳng đương tín thị Pháp
đương tông giải thoát.
**Sẽ hiện pháp đó chỉ bày chúng sanh. Những chúng sanh đây nên tin là pháp giải
thoát nên theo.**
當如是等為如來所化。佛告諸弟子。
đương như thị đẳng vi Như Lai sở hóa. Phật cáo chu đệ tử.

Sẽ như thế v.v...là chỗ hóa hiện của Như Lai. Phật bảo các đệ tử:

善念奉持。族姓子須賴。及王波斯匿。釋提桓因。

thiện niệm phụng trì. tộc tính tử tu lại. cập Vương Ba-tu-nặc. thích đề hoàn nhân
Khéo nghĩ phụng trì, con cháu dòng họ Tu Lại và Vua Ba-tu-nặc, Thích đề hoàn
nhân,

長老阿難。諸天龍鬼。及阿須倫及世間人。

Trưởng Lão A-nan. chư Thiên long quỷ. cập a tu luân cập thế gian nhân.
trưởng lão A-nan, chư thiên rồng quỷ và A tu luân cùng người đời

聞佛所說莫不歡喜。稽首而去。

văn Phật sở thuyết mạc bất hoan hi. kê thủ nhi khứ.

nghe Phật nói xong thầy đều vui vẻ cúi đầu mà lui ra.

佛說須賴經

Phật thuyết tu lại Kinh

Phật Nói Kinh Tu Lại.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:49:39 2006

s=====